DANH SÁCH THI MÔN CƠ SỞ - BSNT 44 TẠI TTKT
SÁNG NGÀY 04.1.2020 (NĂM HỌC 2019-2020)

TT	Mã học viên	Họ và tên	Chuyên ngành	Môn thi	Đối tượng
1	050101190022	Lê Văn Hiệp	Dị ứng - MDLS	NCKH	BSNT 44
2	050101190023	Đỗ Thị Tùng Lâm	Dị ứng - MDLS	NCKH	BSNT 44
3	050101190024	Nguyễn Thị Liên	Dị ứng - MDLS	NCKH	BSNT 44
4	050101190025	Nguyễn Thị Linh	Dị ứng - MDLS	NCKH	BSNT 44
5	050101190026	Vũ Thùy Linh	Dị ứng - MDLS	NCKH	BSNT 44
6	050401190027	Doãn Ngọc Ánh	Dinh dưỡng	NCKH	BSNT 44
7	050401190028	Vũ Hoàng Oanh	Dinh dưỡng	NCKH	BSNT 44
8	050401190029	Nguyễn Thị Thúy	Dinh dưỡng	NCKH	BSNT 44
9	050401190030	Trần Việt Tiến	Dinh dưỡng	NCKH	BSNT 44
10	050401190031	Ngô Quỳnh Trang	Dinh dưỡng	NCKH	BSNT 44
11	050118190032	Đỗ Diệu Linh	Dược lý và độc chất	NCKH	BSNT 44
12	050118190033	Vũ Văn Tiến	Dược lý và độc chất	NCKH	BSNT 44
13	050101190042	Nguyễn Thị Phương Anh	Giải phẫu bệnh	NCKH	BSNT 44
14	050101190043	Nguyễn Thị Vân Anh	Giải phẫu bệnh	NCKH	BSNT 44
15	050101190044	Nguyễn Thị Hương	Giải phẫu bệnh	NCKH	BSNT 44
16	050101190045	Khuất Thị Lay	Giải phẫu bệnh	NCKH	BSNT 44
17	050101190046	Nguyễn Thị Quỳnh	Giải phẫu bệnh	NCKH	BSNT 44
18	050101190047	Trịnh Ngọc Sơn	Giải phẫu bệnh	NCKH	BSNT 44
19	050101190048	Lý Thị Huyền Trang	Giải phẫu bệnh	NCKH	BSNT 44
20	050101190049	Lê Thị Uyên	Giải phẫu bệnh	NCKH	BSNT 44
21	050101190050	Lã Thị Hải Yến	Giải phẫu bệnh	NCKH	BSNT 44
22	050101190051	Lê Thị Yến	Giải phẫu bệnh	NCKH	BSNT 44
23	050101190052	Phan Mạnh Cường	Hóa sinh Y học	NCKH	BSNT 44
24	050101190053	Nguyễn Thị Dinh	Hóa sinh Y học	NCKH	BSNT 44
25	050101190054	Ngọ Thị Uyên	Hóa sinh Y học	NCKH	BSNT 44
26	050101190090	Mai Thị Giang	Mô phôi thai học	NCKH	BSNT 44
27	050101190091	Trần Thị Phương Hoa	Mô phôi thai học	NCKH	BSNT 44
28	050101190092	Dương Tiến Tùng	Mô phôi thai học	NCKH	BSNT 44
29	050107190168	Phan Thị An	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
30	050107190169	Đỗ Thị Kim Anh	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
31	050107190170	Nguyễn Thị Minh Anh	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
32	050107190171	Vũ Thị Trung Anh	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
33	050107190172	Nguyễn Thị Minh Châu	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
34	050107190173	Nguyễn Tiến Dũng	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
35	050107190174	Lê Thị Dương	Nội khoa	NCKH	BSNT 44

36	050107190175	Nguyễn Văn Dương	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
37	050107190176	Phùng Văn Anh Đức	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
38	050107190177	Đào Thị Gấm	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
39	050107190178	Phạm Thanh Hải	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
40	050107190179	Đoàn Bích Hằng	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
41	050107190180	Phạm Văn Hân	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
42	050107190181	Nguyễn Trọng Hiếu	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
43	050107190182	Nguyễn Trung Hiếu	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
44	050107190183	Đinh Quang Hoàng	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
45	050107190184	Phạm Thị Hồng	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
46	050107190185	Nguyễn Thanh Kim Huệ	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
47	050107190186	Lê Thị Thanh Huệ	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
48	050107190187	Bàn Thị Huệ	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
49	050107190188	Nguyễn Quang Huy	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
50	050107190189	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
51	050107190190	Đỗ Thu Huyền	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
52	050107190191	Phan Quốc Hưng	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
53	050107190192	Nguyễn Thị Hương	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
54	050107190193	Hà Thị Kim Khuyên	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
55	050107190194	Nguyễn Trọng Kiên	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
56	050107190195	Lưu Cảnh Linh	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
57	050107190196	Nguyễn Thị Lệ Mỹ	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
58	050107190197	Lê Thị Thanh Ngà	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
59	050107190198	Trần Mai Nguyên	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
60	050107190199	Đặng Hồng Nhân	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
61	050107190200	Kiều Hồng Nhung	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
62	050107190201	Đậu Thị Hồng Nhung	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
63	050107190202	Nguyễn Thị Nhung	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
64	050107190203	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
65	050107190204	Đồng Thị Thủy Quỳnh	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
66	050107190205	Lưu Tuấn Thành	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
67	050107190206	Lê Phương Thảo	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
68	050107190207	Phạm Phương Thảo	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
69	050107190208	Lê Thị Hồng Thắm	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
70	050107190209	Nhữ Thị Thu	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
71	050107190210	Lê Thị Quỳnh Trang	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
72	050107190211	Trần Thị Thu Trang	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
73	050107190212	Hà Thùy Trang	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
74	050107190213	Mai Xuân Trình	Nội khoa	NCKH	BSNT 44

75	050107190214	Lại Văn Trung	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
	050107190215	Chu Văn Tuấn	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
	050107190216	Nguyễn Thanh Tùng	Nội khoa	NCKH	BSNT 44
	050107190217	Nguyễn Hoàng Anh	Nội - Tim mạch	NCKH	BSNT 44
	050107190218	Phạm Hùng Cường	Nội Tim mạch	NCKH	BSNT 44
	050107190219	Trần Quang Duy	Nội Tim mạch	NCKH	BSNT 44
	050107190220	Nguyễn Văn Đông	Nội Tim mạch	NCKH	BSNT 44
	050107190221	Nguyễn Thị Nô En	Nội Tim mạch	NCKH	BSNT 44
	050107190222	Đặng Văn Hoàng	Nội Tim mạch	NCKH	BSNT 44
	050107190223	Lê Xuân Hùng	Nội Tim mạch	NCKH	BSNT 44
	050107190224	Hà Thị Hưởng	Nội Tim mạch	NCKH	BSNT 44
	050107190225	Lê Thế Kiên	Nội Tim mạch	NCKH	BSNT 44
	050107190226	Đinh Phương Lan	Nội Tim mạch	NCKH	BSNT 44
	050107190227	Phạm Ngọc Lâm	Nội Tim mạch	NCKH	BSNT 44
	050107190228	Dương Công Lĩnh	Nội Tim mạch	NCKH	BSNT 44
	050107190229	Thân Đức Tài Nhân	Nội Tim mạch	NCKH	BSNT 44
	050107190230	Đặng Văn Phúc	Nội Tim mạch	NCKH	BSNT 44
	050107190231	Hoàng Kim Quân	Nội Tim mạch	NCKH	BSNT 44
	050107190232	Bùi Trần Thành Sơn	Nội Tim mạch	NCKH	BSNT 44
	050107190233	Lê Văn Thăng	Nội Tim mạch	NCKH	BSNT 44
	050107190234	Lê Ngọc Thiện	Nội Tim mạch	NCKH	BSNT 44
	050107190235	Cao Thị Thiện	Nội Tim mạch	NCKH	BSNT 44
	050107190236	Trần Thị Bảo Yến	Nội Tim mạch	NCKH	BSNT 44
	050101190271	Trần Thị Thúy Hạnh	Sinh lý bệnh - Miễn dị	NCKH	BSNT 44
	050101190272	Nguyễn Thị Huyền My	Sinh lý bệnh - Miễn dị	NCKH	BSNT 44
	050101190273	Lê Vạn Như	Sinh lý học	NCKH	BSNT 44
	050101190274	Đỗ Thanh Tuấn	Sinh lý học	NCKH	BSNT 44
	050107190286	Dương Khánh Duy	Tâm thần	NCKH	BSNT 44
	050107190287	Đỗ Văn Đức	Tâm thần	NCKH	BSNT 44
	050107190288	Nguyễn Văn Giáp	Tâm thần	NCKH	BSNT 44
	050107190289	Nguyễn Mạnh Hà	Tâm thần	NCKH	BSNT 44
	050107190290	Nguyễn Thu Hà	Tâm thần	NCKH	BSNT 44
	050107190291	Phạm Thị Thu Hà	Tâm thần	NCKH	BSNT 44
	050107190292	Nguyễn Việt Hà	Tâm thần	NCKH	BSNT 44
	050107190293	Nguyễn Văn Hải	Tâm thần	NCKH	BSNT 44
	050107190294	Vũ Thị Mỹ Hạnh	Tâm thần	NCKH	BSNT 44
	050107190296	Nguyễn Đình Hoàng	Tâm thần	NCKH	BSNT 44
	050107190300	Nguyễn Thị Phương	Tâm thần	NCKH	BSNT 44
	050107190301	Nguyễn Hương Quỳnh	Tâm thần	NCKH	BSNT 44
	050107190302	Dương Anh Tài	Tâm thần	NCKH	BSNT 44
	050107190303	Nguyễn Thị Anh Thoa	Tâm thần	NCKH	BSNT 44

050107190304	Bùi Thanh Tùng	Tâm thần	NCKH	BSNT 44
050108190327	Nguyễn Thị Phương Anh	Ung thư	NCKH	BSNT 44
050108190328	Nguyễn Quang Anh	Ung thư	NCKH	BSNT 44
050108190329	Lê Thị Vân Anh	Ung thư	NCKH	BSNT 44
050108190330	Phạm Thế Dương	Ung thư	NCKH	BSNT 44
050108190331	Phạm Quang Đạo	Ung thư	NCKH	BSNT 44
050108190332	Phạm Văn Hoàn	Ung thư	NCKH	BSNT 44
050108190333	Phan Hữu Kiệm	Ung thư	NCKH	BSNT 44
050108190334	Bùi Thành Lập	Ung thư	NCKH	BSNT 44
050108190335	Hoàng Minh Lý	Ung thư	NCKH	BSNT 44
050108190336	Nguyễn Thị Mai	Ung thư	NCKH	BSNT 44
050108190337	Phạm Duy Mạnh	Ung thư	NCKH	BSNT 44
050108190338	Nguyễn Huy Phan	Ung thư	NCKH	BSNT 44
050108190339	Phan Văn Quân	Ung thư	NCKH	BSNT 44
050108190340	Nguyễn Thị Phương Thảo	Ung thư	NCKH	BSNT 44
050108190341	Nịnh Thị Thảo	Ung thư	NCKH	BSNT 44
050108190342	Nguyễn Thanh Thông	Ung thư	NCKH	BSNT 44
050108190343	Vũ Huyền Trang	Ung thư	NCKH	BSNT 44
050108190344	Nguyễn Văn Trọng	Ung thư	NCKH	BSNT 44
050108190345	Nguyễn Anh Tuấn	Ung thư	NCKH	BSNT 44
050108190346	Mai Văn Tuấn	Ung thư	NCKH	BSNT 44
050101190347	Bùi Thị Thu Dung	Vi sinh y học	NCKH	BSNT 44
050101190348	Nguyễn Thị Thu Hà	Vi sinh y học	NCKH	BSNT 44
050101190349	Hoàng Anh Phương	Vi sinh y học	NCKH	BSNT 44
050101190350	Ngô Văn Quỳnh	Vi sinh y học	NCKH	BSNT 44
050101190351	Hoàng Thị Thái	Vi sinh y học	NCKH	BSNT 44
050115190352	Nguyễn Thị Hường	Y học cổ truyền	NCKH	BSNT 44
050115190353	Dương Thế Ngọc	Y học cổ truyền	NCKH	BSNT 44
050115190354	Trần Thị Thu Thủy	Y học cổ truyền	NCKH	BSNT 44
050115190355	Nguyễn Thị Trang	Y học cổ truyền	NCKH	BSNT 44
050115190356	Phạm Thu Trang	Y học cổ truyền	NCKH	BSNT 44
050115190357	Nguyễn Hữu Tuấn	Y học cổ truyền	NCKH	BSNT 44
050115190358	Nguyễn Thị Vui	Y học cổ truyền	NCKH	BSNT 44
050115190359	Đỗ Thị Hải Yến	Y học cổ truyền	NCKH	BSNT 44
050163190360	Nguyễn Thị Thu Hà	Y học dự phòng	NCKH	BSNT 44
050163190361	Đào Vũ Hoàng	Y học dự phòng	NCKH	BSNT 44
050163190362	Bùi Thị Ngọc Minh	Y học dự phòng	NCKH	BSNT 44
050163190363	Dương Văn Quân	Y học dự phòng	NCKH	BSNT 44
050163190364	Bùi Văn Tùng	Y học dự phòng	NCKH	BSNT 44
059001190365	Nguyễn Thị Minh Hiền	Y học gia đình	NCKH	BSNT 44
059001190366	Phạm Thị Huệ	Y học gia đình	NCKH	BSNT 44
059001190367	Tống Thị Khánh	Y học gia đình	NCKH	BSNT 44
059001190368	Lưu Đình Lập	Y học gia đình	NCKH	BSNT 44
059001190369	Trần Thị Liên	Y học gia đình	NCKH	BSNT 44
059001190370	Cao Mạnh Long	Y học gia đình	NCKH	BSNT 44
059001190371	Bùi Thanh Sáng	Y học gia đình	NCKH	BSNT 44
059001190372	Hà Minh Trí	Y học gia đình	NCKH	BSNT 44

050101190373	Nguyễn Thị Thúy	Y pháp	NCKH	BSNT 44
050101190374	Thân Thị Thu Cảnh	Y sinh học di truyền	NCKH	BSNT 44
050101190375	Trần Hiền	Y sinh học di truyền	NCKH	BSNT 44
050101190376	Nguyễn Bá Thị Hoa	Y sinh học di truyền	NCKH	BSNT 44
050101190377	Vũ Thị Minh Hòa	Y sinh học di truyền	NCKH	BSNT 44
050101190378	Nguyễn Thị Hương	Y sinh học di truyền	NCKH	BSNT 44
050101190379	Lê Thảo Ly	Y sinh học di truyền	NCKH	BSNT 44
050101190380	Hà Phương Nhung	Y sinh học di truyền	NCKH	BSNT 44
050101190381	Lê Thị Quyên	Y sinh học di truyền	NCKH	BSNT 44
050101190382	Nguyễn Trọng Thuyên	Y sinh học di truyền	NCKH	BSNT 44
050107180316	Trần Quốc Qúy	Nội tim mạch	NCKH	BSNT 43
050101180086	Nguyễn Viết Trung	Giải phẫu bệnh	NCKH	BSNT 43
050104180197	Vũ Đức Việt	Ngoại khoa	NCKH	BSNT 43
050104180198	Vũ Quang Việt	Ngoại khoa	NCKH	BSNT 43
050111180010	Trần Thị Huệ	Chẩn đoán hình ảnh	NCKH	BSNT 43
050104180195	Trần Sơn Tùng	Ngoại khoa	NCKH	BSNT 43
050157180199	Lê Thị Vân Anh	Nhãn khoa	NCKH	BSNT 43
050157180200	Phạm Phương Dung	Nhãn khoa	NCKH	BSNT 43
050157180201	Mai Thanh Tâm	Nhãn khoa	NCKH	BSNT 43
050157180202	Đoàn Thị Thoa	Nhãn khoa	NCKH	BSNT 43
050157180203	Lương Anh Thư	Nhãn khoa	NCKH	BSNT 43
050157180204	Nguyễn Thị Trang	Nhãn khoa	NCKH	BSNT 43
	Đỗ Thị Kim Chung	YHCT	NCKH	BSCK2-Khó

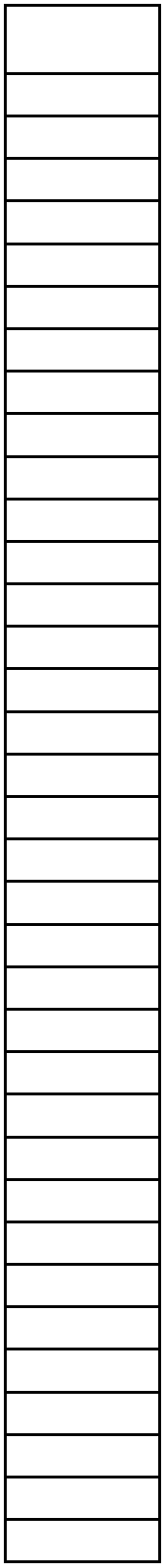

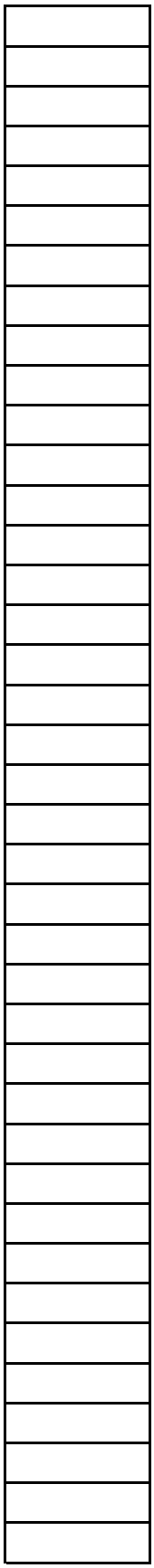

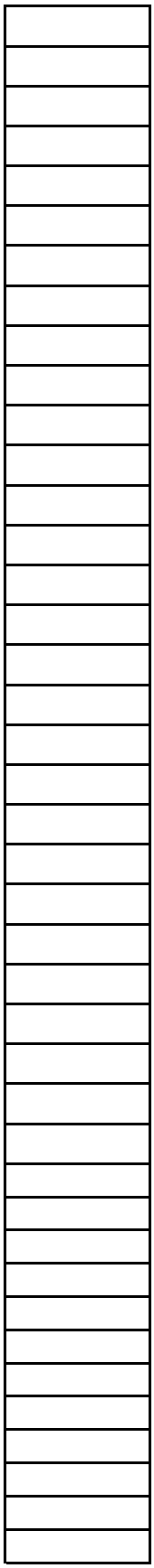

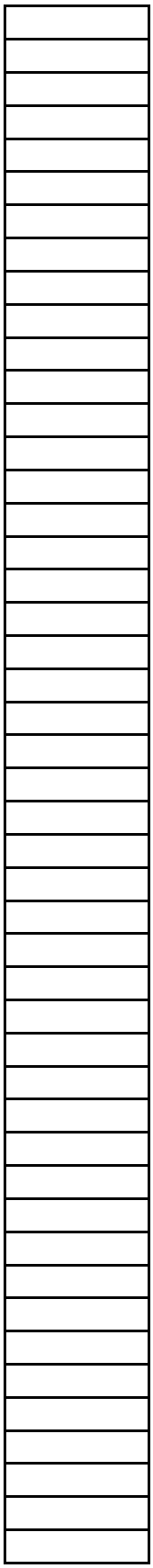

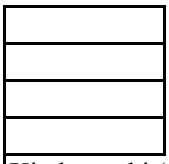

Xin hoãn thi (ốm)

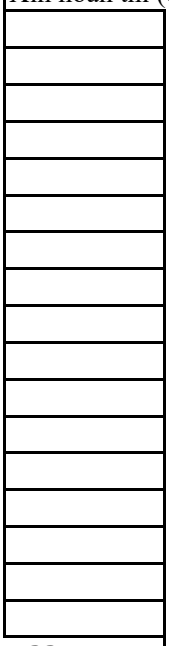

a 33

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

TT	TT CN	Mã học viên	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh
0001	1	050111180001	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	07/02/1993	Hưng Yên
0002	2	050111180002	Nguyễn Việt Dũng		13/12/1994	Ninh Bình
0003	3	050111180003	Nguyễn Tất Đạt		12/12/1994	Hải Phòng
0004	4	050111180004	Đỗ Trường Giang		01/12/1994	Tuyên Quang
0005	5	050111180005	Trần Văn Giang		08/11/1994	Vĩnh Phúc
0006	6	050111180006	Đặng Thu Hà	Nữ	05/05/1994	Hà Nội
0007	7	050111180007	Trịnh Thị Hiền	Nữ	15/08/1994	Nghệ An
0008	8	050111180008	Đặng Ngọc Hiếu		01/07/1994	Nghệ An
0009	9	050111180009	Nguyễn Hoa Huệ	Nữ	28/12/1994	Hà Nam
0010	10	050111180010	Trần Thị Huệ	Nữ	27/05/1994	Thái Bình
0011	11	050111180011	Ngô Văn Hùng		10/03/1994	Nghệ An
0012	12	050111180012	Trần Đức Huy		12/06/1994	Nam Định
0013	13	050111180013	Nguyễn Thị Huyền		30/07/1994	Bắc Giang
0014	14	050111180014	Bạch Công Hưng		21/05/1994	Hòa Bình
0015	15	050111180015	Hoàng Văn Hưởng		24/08/1994	Vĩnh Phúc
0016	16	050111180016	Nguyễn Đắc Khánh		15/07/1994	Hà Nội
0017	17	050111180017	Lê Hoàng Khỏe		10/12/1992	Hà Tĩnh
0018	18	050111180018	Nguyễn Duy Khương		10/10/1994	Bắc Giang
0019	19	050111180019	Lê Thị Mai Lan	Nữ	13/11/1993	Bắc Ninh
0020	20	050111180020	Trần Thị Linh	Nữ	14/11/1994	Thanh Hóa
0021	21	050111180021	Phạm Thị Thùy Linh	Nữ	09/01/1994	Lạng Sơn
0022	22	050111180022	Vũ Trí Long		21/12/1994	Bắc Giang
0023	23	050111180023	Ngô Thị Ly Ly	Nữ	21/11/1994	Hà Nam
0024	24	050111180024	Trần Thị Lý	Nữ	22/05/1994	Thanh Hóa
0025	25	050111180025	Hoàng Tú Minh	Nữ	07/08/1993	Lạng Sơn
0026	26	050111180026	Thiều Thị Trà My	Nữ	20/03/1994	Thanh Hóa
0027	27	050111180027	Phạm Sơn Nam		10/02/1994	Nam Định
0028	28	050111180028	Nguyễn Thành Nam		09/10/1991	Thanh Hoá
0029	29	050111180029	Từ Đức Ngọc		12/01/1994	Nghệ An
0030	30	050111180030	Tạ Hồng Nhung	Nữ	18/10/1994	Sơn La
0031	31	050111180031	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	20/01/1994	Nghệ An
0032	32	050111180032	Trần Thị Hồng Nhung	Nữ	06/03/1994	Hà Nam
0033	33	050111180033	Trần Thị Hồng Nhung	Nữ	01/11/1994	Thanh Hoá
0034	34	050111180034	Phạm Thị Phương	Nữ	21/03/1992	Nghệ An
0035	35	050111180035	Nguyễn Văn Quyền		20/01/1993	Bắc Ninh
0036	36	050111180036	Trần Thị Quỳnh	Nữ	13/07/1993	Thanh Hóa
0037	37	050111180037	Nguyễn Tiến Sơn		11/09/1994	Tuyên Quang

0038	38	050111180038	Hoàng Nguyên Tài		08/04/1994	Nghệ An
0039	39	050111180039	Vũ Đức Thành		05/04/1994	Thanh Hoá
0040	40	050111180040	Bùi Thị Phương Thảo	Nữ	28/02/1994	Bắc Giang
0041	41	050111180041	Trần Thị Thu Thảo	Nữ	30/05/1994	Hải Phòng
0042	42	050111180042	Lê Văn Thình		04/08/1993	Vĩnh Phúc
0043	43	050111180043	Hoàng Ngân Thủy	Nữ	17/02/1994	Hải Phòng
0044	44	050111180044	Nguyễn Hữu Thuyết		12/03/1994	Nghệ An
0045	45	050111180045	Đinh Văn Thư		25/01/1994	Hà Tĩnh
0046	46	050111180046	Triệu Quang Tĩnh		10/04/1994	Phú Thọ
0047	47	050111180047	Triệu Quốc Tính		02/02/1994	Bắc Giang
0048	48	050111180048	Vương Đức Trung		27/08/1994	Hà Nội
0049	49	050111180049	Nguyễn Văn Tuấn		02/10/1994	Hà Nam
0050	50	050111180050	Nguyễn Thị Xoan	Nữ	10/10/1994	Hà Tĩnh
0051	1	050107180051	Tạ Thị Phương	Nữ	18/03/1994	Thanh Hoá
0052	2	050107180052	Nguyễn Thị Thu Phương	Nữ	12/11/1994	Hà nội
0053	3	050107180053	Hồ Phương Thùy	Nữ	16/09/1994	Nghệ An
0054	4	050107180054	Nguyễn Mậu Tráng		29/11/1994	Hà Nội
0055	5	050107180055	Nguyễn Doãn Tuấn		08/08/1994	Hà Nội
0056	1	050101180056	Nguyễn Minh Hoàng		03/11/1994	Hà Tĩnh
0057	2	050101180057	Thái Nguyễn Hoàng		15/06/1994	Hà Tĩnh
0058	3	050101180058	Nguyễn Hồng Ngọc	Nữ	06/12/1994	Quảng Ninh
0059	4	050101180059	Vũ Đức Tĩnh		15/05/1994	Vĩnh Phúc
0060	1	050401180060	Trần Minh Anh	Nữ	24/12/1994	Hà Giang
0061	2	050401180061	Nguyễn Thị Hoài Thắm	Nữ	24/04/1994	Nghệ An
0062	3	050401180062	Trần Thị Thủy	Nữ	03/06/1994	Ninh Bình
0063	4	050401180063	Bùi Thị Trà Vi	Nữ	15/07/1994	Nam Định
0064	1	050118180064	Trịnh Vinh Quang		15/11/1994	Hà Nội
0065	1	050102180065	Phí Xuân An		19/01/1994	Hà Nội
0066	2	050102180066	Vũ Thị Kiều Anh	Nữ	10/09/1994	Hải Dương
0067	3	050102180067	Nguyễn Tuấn Anh		29/09/1993	Bắc Ninh
0068	4	050102180068	Nguyễn Xuân Anh		06/09/1993	Hà Tĩnh
0069	5	050102180069	Trần Xuân Bách		25/09/1994	Hà Nội
0070	6	050102180070	Dương Phương Chinh	Nữ	25/05/1994	Nam Định
0071	7	050102180071	Nguyễn Thị Dung	Nữ	09/02/1994	Hải Dương
0072	8	050102180072	Đặng Xuân Huỳnh		10/11/1994	Hưng Yên
0073	9	050102180073	Ngô Lương Nghĩa		05/03/1994	Hà Tĩnh
0074	10	050102180074	Ngọ Văn Thảo		10/09/1994	Bắc Giang
0075	11	050102180075	Trần Thị Vân	Nữ	23/01/1994	Hà Nam
0076	12	050102180076	Khương Hải Yến	Nữ	07/07/1994	Nam Định
0077	1	050101180077	Lương Việt Bằng		03/04/1994	Hà Nội
0078	2	050101180078	Thiều Mạnh Cường		26/08/1994	Bắc Giang
0079	3	050101180079	Đoàn Thu Hiền	Nữ	05/08/1994	Nam Định
0080	4	050101180080	Trần Thị Hoa	Nữ	30/10/1993	Bắc Giang
0081	5	050101180081	Phan Thị Huyền	Nữ	05/09/1994	Nghệ An
0082	6	050101180082	Lê Thị Linh	Nữ	22/04/1994	Nghệ An

0083	7	050101180083	Thái Thị Hồng Nhung	Nữ	20/02/1994	Nghệ An
0084	8	050101180084	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	27/05/1994	Thanh Hóa
0085	9	050101180085	Chu Thị Trang	Nữ	25/07/1994	Vĩnh Phúc
0086	10	050101180086	Nguyễn Viết Trung		16/11/1994	Quảng Trị
0087	11	050101180087	Đỗ Thị Yến	Nữ	04/04/1994	Hưng Yên
0088	12	050101180088	Nguyễn Thu Yến	Nữ	13/09/1994	Thanh Hóa
0089	1	050101180089	Trần Lê Đình Duy		01/11/1994	Hà Nội
0090	2	050101180090	Trần Quang Huy		15/07/1994	Nam Định
0091	3	050101180091	Nguyễn Như Mạnh		02/09/1994	Bắc Ninh
0092	1	050101180092	Nguyễn Tư Cầm		24/11/1994	Nghệ An
0093	2	050101180093	Đào Xuân Đạt		27/11/1994	Thái Bình
0094	3	050101180094	Nguyễn Thị Kim Huệ	Nữ	15/01/1994	Hà Nội
0095	4	050101180095	Trần Mai Linh	Nữ	19/09/1994	Nam ĐInh
0096	5	050101180096	Nguyễn Đình Lộc		08/08/1994	Nam Định
0097	6	050101180097	Nguyễn Thị Minh Phương	Nữ	01/10/1994	Thái Bình
0098	7	050101180098	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	28/09/1994	Hà Nội
0099	8	050101180099	Hán Minh Thủy		27/10/1994	Hà Nội
0100	9	050101180100	Nguyễn Thị Kim Tiên	Nữ	15/10/1993	Hà Nội
0101	10	050101180101	Vũ Anh Tuấn		29/04/1994	Vĩnh Phúc
0102	11	050101180102	Bùi Đình Tùng		22/09/1994	Hà Nội
0103	12	050101180103	Trần Thanh Vân	Nữ	16/09/1993	Nam ĐInh
0104	1	050103180104	Đặng Trung Anh		02/07/1994	Nghệ An
0105	2	050103180105	Trần Hồng Công		02/10/1994	Hà Tĩnh
0106	3	050103180106	Nguyễn Ngọc Dương		10/07/1994	Phú Thọ
0107	4	050103180107	Nguyễn Tiến Đạt		17/06/1994	Nam Định
0108	5	050103180108	Ngô Huỳnh Đức		06/10/1994	Bắc Giang
0109	6	050103180109	Vũ Minh Đức		23/09/1994	Nam Định
0110	7	050103180110	Đặng Duy Hiển		17/09/1994	Hà Nam
0111	8	050103180111	Nguyễn Văn Nghĩa		12/02/1994	Nam Định
0112	9	050103180112	Phạm Ngọc Trưởng		21/02/1994	Thái Bình
0113	1	050107180113	Trương Đình Đức		24/03/1994	Nghệ an
0114	2	050107180114	Dương Hoàng Hải		01/12/1994	Tuyên Quang
0115	3	050107180115	Đặng Hoàng Hải		31/12/1994	Hà Nội
0116	4	050107180116	Nguyễn Thị Mai Hương	Nữ	18/09/1994	Bắc Ninh
0117	5	050107180117	Võ Thị Thanh Hương	Nữ	23/06/1994	Hà Tĩnh
0118	6	050107180118	Nguyễn Thị Minh Khuê	Nữ	18/03/1994	Hà Nội
0119	7	050107180119	Lê Khánh Linh	Nữ	09/04/1994	Thanh Hóa
0120	8	050107180120	Đặng Thùy Linh	Nữ	02/11/1994	Nghệ An
0121	9	050107180121	Phan Thị Thanh Long	Nữ	07/08/1994	Nghệ An
0122	10	050107180122	Trần Thị Ngoan	Nữ	03/02/1994	Bắc Giang
0123	11	050107180123	Hà Hồng Quảng		13/09/1993	Quảng Ninh
0124	12	050107180124	Trần Thị Vân Quỳnh	Nữ	11/01/1994	Hải Phòng
0125	13	050107180125	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	16/02/1992	Bắc Giang
0126	14	050107180126	Kiều Hà Trang	Nữ	07/08/1993	Hà Nội
0127	15	050107180127	Bùi Thu Trang	Nữ	18/02/1993	Thanh Hoá

0128	16	050107180128	Phan Thị Thuỳ Trang	Nữ	24/08/1994	Nghệ An
0129	1	050109180129	Nguyễn Tuấn Anh		18/10/1994	Hà Nội
0130	2	050109180130	Bùi Tuấn Đạt		10/07/1994	Hà Tĩnh
0131	3	050109180131	Lê Đăng Định		02/01/1994	Hà Tĩnh
0132	4	050109180132	Lê Lương Hoàn		23/07/1994	Hải Dương
0133	5	050109180133	Bùi Huy Hoàng		17/01/1994	Hải Dương
0134	6	050109180134	Lưu Thanh Hùng		13/09/1994	Vĩnh Phúc
0135	7	050109180135	Nguyễn Diệu Linh	Nữ	03/11/1994	Tuyên Quang
0136	8	050109180136	Đỗ Minh Luân		11/11/1994	Hà Nội
0137	9	050109180137	Thái Doãn Minh		21/05/1994	Hà Tĩnh
0138	10	050109180138	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	02/06/1992	Thanh Hoá
0139	11	050109180139	Nguyễn Thị Hồng Quỳnh	Nữ	08/08/1994	Quảng Ninh
0140	12	050109180140	Phạm Quang Trung		31/07/1994	Bắc Giang
0141	1	050101180141	Nguyễn Văn Hoàng		24/12/1993	Hải Dương
0142	2	050101180142	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	08/11/1994	Phú Thọ
0143	3	050101180143	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	15/02/1994	Hưng Yên
0144	1	050104180144	Nguyễn Đức Anh		10/04/1994	Thanh Hóa
0145	2	050104180145	Vũ Ngọc Anh		16/03/1993	Phú Thọ
0146	3	050104180146	Nguyễn Bá Ba		25/05/1994	Nghệ An
0147	4	050104180147	Bùi Thế Bun		16/07/1994	Hải Dương
0148	5	050104180148	Nguyễn Huy Du		01/11/1994	Hà Nội
0149	6	050104180149	Nguyễn Duy Trí Dũng		17/10/1994	Nghệ An
0150	7	050104180150	Nguyễn Lê Duy		04/05/1994	Hà Nội
0151	8	050104180151	Đào Trọng Đại		20/01/1994	Thái Bình
0152	9	050104180152	Lại Thành Đạt		13/04/1994	Nam Định
0153	10	050104180153	Lưu Văn Đạt		23/11/1994	Bắc Ninh
0154	11	050104180154	Nguyễn Văn Đạt		18/11/1994	Hà Nội
0155	12	050104180155	Đỗ Hải Đăng		22/09/1994	Hà Nội
0156	13	050104180156	Đỗ Ích Định		08/11/1994	Thanh Hoá
0157	14	050104180157	Bùi Khắc Đức		31/07/1994	Thanh Hoá
0158	15	050104180158	Tạ Ngọc Hà		23/06/1994	Vĩnh Phúc
0159	16	050104180159	Vũ Trung Hải		22/09/1994	Hà Nội
0160	17	050104180160	Lại Duy Hiếu		09/06/1994	Thái Bình
0161	18	050104180161	Đặng Văn Hiếu		04/01/1994	Ninh Bình
0162	19	050104180162	Nguyễn Đình Hoàng		10/12/1994	Hà Tĩnh
0163	20	050104180163	Lã Văn Hùng		30/01/1994	Hà Nội
0164	21	050104180164	Chu Thành Hưng		15/11/1994	hà Nội
0165	22	050104180165	Nguyễn Nam Khánh		11/05/1993	Khánh Hòa
0166	23	050104180166	Lê Văn Lập		12/10/1994	Bắc Giang
0167	24	050104180167	Trần Thị Lê	Nữ	22/03/1994	Nghệ An
0168	25	050104180168	Đỗ Thị Hồng Liên	Nữ	21/11/1994	Hà Nội
0169	26	050104180169	Trịnh Văn Lĩnh		28/05/1994	Thanh Hóa
0170	27	050104180170	Lưu Quang Long		27/04/1994	Hà Nội
0171	28	050104180171	Nguyễn Viết Lực		17/07/1994	Thanh Hoá
0172	29	050104180172	Nguyễn Xuân Minh		19/10/1994	Thanh Hóa

0173	30	050104180173	Đoàn Văn Nghĩa		18/09/1994	Bắc Ninh
0174	31	050104180174	Nguyễn Hữu Phong		16/05/1994	Nghệ An
0175	32	050104180175	Chu Minh Phúc		15/12/1994	Hà Nội
0176	33	050104180176	Ngô Đức Quang		08/12/1994	Thái Bình
0177	34	050104180177	Lương Anh Quân		01/10/1994	Hà Nội
0178	35	050104180178	Cao Quý		28/8/1994	Nghệ An
0179	36	050104180179	Phan Bá Quỳnh		12/10/1994	Nghệ An
0180	37	050104180180	Trịnh Nam Sơn		24/07/1994	Hưng Yên
0181	38	050104180181	Lê Văn Tài		24/11/1994	Nghệ An
0182	39	050104180182	Phạm Quang Thái		01/06/1994	Nam Định
0183	40	050104180183	Nguyễn Duy Thanh		03/07/1994	Hà Nội
0184	41	050104180184	Hoàng Phúc Thanh		24/02/1994	Hưng Yên
0185	42	050104180185	Trần Trung Thành		16/09/1994	Nam Định
0186	43	050104180186	Nguyễn Việt Thắng		28/06/1994	Hà Nội
0187	44	050104180187	Nguyễn Huy Thiệp		02/02/1994	Hà Tĩnh
0188	45	050104180188	Nguyễn Văn Thông		11/04/1994	Hưng Yên
0189	46	050104180189	Nguyễn Minh Trí		13/02/1994	Bắc Ninh
0190	47	050104180190	Ứng Trần Trí		12/10/1994	Hà Nam
0191	48	050104180191	Vũ Đức Trung		30/12/1993	Hà Nội
0192	49	050104180192	Doãn Đình Trường		13/01/1994	Hưng Yên
0193	50	050104180193	Đoàn Anh Tú		16/09/1994	Hải Dương
0194	51	050104180194	Cao Đắc Tuấn		07/03/1994	Vĩnh Phúc
0195	52	050104180195	Trần Sơn Tùng		14/09/1994	Thái Bình
0196	53	050104180196	Phạm Thanh Tùng		11/12/1994	Tuyên Quang
0197	54	050104180197	Vũ Đức Việt		09/11/1994	Bắc Ninh
0198	55	050104180198	Vũ Quang Việt		08/08/1993	Hà Nội
0199	1	050157180199	Lê Thị Vân Anh	Nữ	31/08/1994	Hải Phòng
0200	2	050157180200	Phạm Phương Dung	Nữ	13/10/1994	Vĩnh Phúc
0201	3	050157180201	Mai Thanh Tâm	Nữ	08/12/1994	Lạng Sơn
0202	4	050157180202	Đoàn Thị Thoa	Nữ	27/08/1994	Nam Định
0203	5	050157180203	Lương Thị Anh Thư	Nữ	13/07/1993	Vĩnh Phúc
0204	6	050157180204	Nguyễn Thị Trang	Nữ	08/10/1993	Thanh Hóa
0205	1	050106180205	Trần Thị Ái	Nữ	20/10/1993	Nghệ An
0206	2	050106180206	Vũ Văn An		10/07/1994	Nam ĐỊnh
0207	3	050106180207	Đào Thị Tú Anh	Nữ	28/06/1993	Hà Tĩnh
0208	4	050106180208	Vũ Ngọc Bích	Nữ	13/09/1994	Vĩnh Phúc
0209	5	050106180209	Phan Danh		29/11/1991	Hà Tĩnh
0210	6	050106180210	Nguyễn Thùy Dung	Nữ	09/11/1994	Bắc Ninh
0211	7	050106180211	Hoàng Xuân Đại		05/10/1994	Hưng Yên
0212	8	050106180212	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	02/07/1993	Bắc Ninh
0213	9	050106180213	Bùi Thị Hải	Nữ	08/02/1994	Thái Bình
0214	10	050106180214	Nguyễn Văn Hoàng		20/10/1994	Nghệ An
0215	11	050106180215	Nguyễn Thị Ngọc Hồng	Nữ	21/03/1994	hà Nội
0216	12	050106180216	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	27/11/1993	Bắc Ninh
0217	13	050106180217	Phan Tuấn Hưng		22/05/1994	Hà Nội

0218	14	050106180218	Mai Trần Hạnh Linh	Nữ	11/12/1994	Thái Bình
0219	15	050106180219	Phạm Thị Lượt	Nữ	28/11/1994	Thái Bình
0220	16	050106180220	Nguyễn Tiến Mạnh		04/10/1994	Nam Định
0221	17	050106180221	Đào Thị Mơ	Nữ	26/02/1994	Bắc Giang
0222	18	050106180222	Nguyễn Thị Ngọc Nga	Nữ	13/01/1994	Phú Thọ
0223	19	050106180223	Đào Thị Ngoan	Nữ	26/08/1994	Hưng Yên
0224	20	050106180224	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	23/02/1994	Hưng Yên
0225	21	050106180225	Bùi Thị Khánh Ngọc	Nữ	07/08/1994	Nam Định
0226	22	050106180226	Phạm Thảo Nguyên	Nữ	27/07/1994	Hưng Yên
0227	23	050106180227	Võ Hà Phương	Nữ	25/07/1994	Thanh Hóa
0228	24	050106180228	Trần Quang Thanh		20/09/1994	Hải Dương
0229	25	050106180229	Đinh Khắc Tuyên		13/09/1994	Quảng Ninh
0230	1	050107180230	Đào Đức An		14/08/1994	Bắc Giang
0231	2	050107180231	Ngô Hữu An	Nữ	15/01/1994	Hà Nam
0232	3	050107180232	Trần Quang Bằng		01/06/1994	Hải Dương
0233	4	050107180233	Dương Mạnh Cường		18/04/1994	Lạng Sơn
0234	5	050107180234	Phạm Tiến Dũng		18/10/1994	Hà Nội
0235	6	050107180235	Nguyễn Đông Dương		05/02/1994	Thái Nguyên
0236	7	050107180236	Phạm Quang Đức		07/07/1994	Thái Bình
0237	8	050107180237	Nguyễn Hoàng Giang		13/05/1994	Hà Nội
0238	9	050107180238	Nguyễn Thị Trà Giang	Nữ	20/02/1994	Nghệ An
0239	10	050107180239	Phùng Sơn Hải		23/10/1994	Hà Nội
0240	11	050107180240	Lê Thanh Hải		08/12/1994	Vĩnh Phúc
0241	12	050107180241	Bùi Văn Hải		25/01/1994	Thanh Hoá
0242	13	050107180242	Lê Thị Hạnh	Nữ	13/09/1994	Nghệ An
0243	14	050107180243	Trần Thị Hậu	Nữ	10/10/1993	Bắc Ninh
0244	15	050107180244	Nguyễn Trung Hiếu		07/10/1994	Bắc Ninh
0245	16	050107180245	Nguyễn Văn Hiếu		02/01/1994	Ninh Bình
0246	17	050107180246	Trần Thị Mai Hoa	Nữ	26/09/1994	Hà Tĩnh
0247	18	050107180247	Vũ Quang Hoà		08/02/1994	Bắc Ninh
0248	19	050107180248	Dương Thị Kim Hồng	Nữ	15/05/1994	Vĩnh Phúc
0249	20	050107180249	Đỗ Công Huân		12/12/1994	Vĩnh Phúc
0250	21	050107180250	Nguyễn Việt Hùng		19/11/1994	Hà Nam
0251	22	050107180251	Trần Duy Hưng		15/10/1994	Nghệ An
0252	23	050107180252	Phạm Ngọc Hưng		27/10/1994	Nam Định
0253	24	050107180253	Đinh Thị Hương	Nữ	18/07/1994	Nam Định
0254	25	050107180254	Nguyễn Thu Hương	Nữ	07/12/1994	Bắc Ninh
0255	26	050107180255	Bùi Như Khoát		27/07/1994	Thái Bình
0256	27	050107180256	Bùi Thế Kiên		14/01/1994	Hải Dương
0257	28	050107180257	Trịnh Lê Khánh Linh	Nữ	26/03/1994	Nghệ An
0258	29	050107180258	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	08/06/1993	Hà Nội
0259	30	050107180259	Nông Thùy Linh	Nữ	30/03/1994	Cao Bằng
0260	31	050107180260	Kiều Cao Lợi		28/09/1994	Hà Nội
0261	32	050107180261	Nguyễn Đức Mạnh		27/07/1994	Nam Định
0262	33	050107180262	Hoàng Hồng Mạnh		16/03/1994	Phú Thọ

0263	34	050107180263	Tạ Thị Trà My	Nữ	12/06/1994	Hà Nội
0264	35	050107180264	Nguyễn Hoài Nam		04/04/1994	Thanh Hoá
0265	36	050107180265	Nguyễn Thị Nét	Nữ	25/03/1994	Hà Nội
0266	37	050107180266	Khúc Thị Thuý Ngà	Nữ	12/05/1994	Hưng Yên
0267	38	050107180267	Vũ Thị Ngọc	Nữ	01/07/1994	Nam Định
0268	39	050107180268	Hoàng Thị Nhàn	Nữ	12/02/1993	Hà Nam
0269	40	050107180269	Trịnh Thị Hồng Nhung	Nữ	06/02/1994	Thanh Hóa
0270	41	050107180270	Hoàng Ngọc Ninh		14/06/1994	Thái Bình
0271	42	050107180271	Phan Thị Phương Oanh	Nữ	15/10/1994	Hưng Yên
0272	43	050107180272	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	12/02/1994	Thái Nguyên
0273	44	050107180273	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	18/03/1994	Bắc Ninh
0274	45	050107180274	Phạm Thị Oanh	Nữ	23/12/1993	Nghệ An
0275	46	050107180275	Hoàng Anh Phú		03/12/1994	Ninh Bình
0276	47	050107180276	Phạm Thị Quế	Nữ	11/11/1994	Nam Định
0277	48	050107180277	Nguyễn Mạnh Quyết		03/01/1994	Hà Nội
0278	49	050107180278	Phan Diễm Quỳnh	Nữ	30/12/1994	Phú Thọ
0279	50	050107180279	Đào Như Quỳnh	Nữ	18/06/1993	Nghệ An
0280	51	050107180280	Đinh Như Quỳnh	Nữ	26/01/1994	Hồng Kông
0281	52	050107180281	Doãn Trung San		17/02/1994	Hưng Yên
0282	53	050107180282	Phan Thị Sinh	Nữ	16/10/1994	Thái Bình
0283	54	050107180283	Nguyễn Ngọc Sơn		05/12/1994	Thanh Hóa
0284	55	050107180284	Lê Nguyên Sơn		08/03/1994	Thanh Hóa
0285	56	050107180285	Tô Thế Tài		05/03/1994	Nghệ An
0286	57	050107180286	Hoàng Duy Thái		21/12/1994	Lai Châu
0287	58	050107180287	Nguyễn Phạm Tuấn Thành		11/12/1994	Thái Bình
0288	59	050107180288	Lê Thị Thảo	Nữ	08/06/1994	Hà Nội
0289	60	050107180289	Đỗ Thu Thảo	Nữ	13/06/1994	Hà Nội
0290	61	050107180290	Đồng Thị Thu Thảo	Nữ	11/11/1994	Hải Dương
0291	62	050107180291	Nguyễn Quý Thạo		11/03/1994	Thái Bình
0292	63	050107180292	Đặng Thị Thắm	Nữ	27/09/1993	Hà Nội
0293	64	050107180293	Bùi Thị Thịnh	Nữ	29/08/1994	Hà Nội
0294	65	050107180294	Thái Văn Thuật		20/09/1993	Hà Tĩnh
0295	66	050107180295	Phạm Thị Ngọc Thúy	Nữ	22/12/1994	Vĩnh Phúc
0296	67	050107180296	Nguyễn Đức Toàn		05/10/1994	Hải Phòng
0297	68	050107180297	Phùng Quốc Toản		26/04/1994	Vĩnh Phúc
0298	69	050107180298	Trần Thị Trinh	Nữ	17/03/1994	Hưng Yên
0299	70	050107180299	Đỗ Gia Trường		10/10/1994	Hà Nội
0300	71	050107180300	Nguyễn Thị Anh Tú	Nữ	16/08/1994	Nghệ an
0301	72	050107180301	Hoàng Anh Tuấn		07/12/1994	Vĩnh Phúc
0302	73	050107180302	Đinh Hữu Tuấn		15/02/1994	Hà Nội
0303	74	050107180303	Bùi Thanh Tùng		20/04/1994	Thái Bình
0304	75	050107180304	Nguyễn Thị Vân	Nữ	20/10/1993	Bắc Giang
0305	1	050107180305	Trần Ngọc Cầm		23/06/1994	Nghệ An
0306	2	050107180306	Nguyễn Việt Dũng		13/12/1990	Quảng Ninh
0307	3	050107180307	Trần Việt Dũng		28/06/1994	Tuyên Quang

0308	4	050107180308	Trần Văn Đông		18/12/1994	Hà Nội
0309	5	050107180309	Lê Thị Hoa	Nữ	25/04/1994	Thanh Hóa
0310	6	050107180310	Nguyễn Thị Thúy Hoa	Nữ	06/11/1994	Thái Nguyên
0311	7	050107180311	Cao Mạnh Hưng		20/11/1994	Thanh Hoá
0312	8	050107180312	Đặng Thị Linh	Nữ	27/02/1994	Nghệ An
0313	9	050107180313	Phan Nhật Minh		06/11/1994	Tuyên Quang
0314	10	050107180314	Phan Thành Nam		26//02/1994	Liêng bang Nga
0315	11	050107180315	Nguyễn Đỗ Quân		20/05/1994	Bắc Ninh
0316	12	050107180316	Trần Quốc Quý		12/07/1994	Nam Định
0317	13	050107180317	Đàm Hải Sơn		10/08/1994	Bắc Ninh
0318	14	050107180318	Lê Mạnh Tăng		24/05/1994	Hưng Yên
0319	15	050107180319	Bùi Anh Thông		01/09/1994	Hà Tĩnh
0320	16	050107180320	Nguyễn Thiện Toàn		18/01/1994	Nghệ An
0321	17	050107180321	Phạm Minh Tuấn		01/06/1994	Hà Giang
0322	18	050107180322	Mạc Thanh Tùng		10/07/1994	Hải Dương
0323	19	050107180323	Trần Đình Tuyên		03/11/1993	Hà Nội
0324	20	050107180324	Nguyễn Hữu Tuyển		13/11/1994	Hà Nội
0325	21	050107180325	Vương Thị Ánh Tuyết	Nữ	28/03/1994	Hà Nội
0326	22	050107180326	Võ Duy Văn		12/11/1994	Nghệ An
0327	1	050104180327	Nguyễn Mạnh Cường		30/05/1994	Nam Định
0328	2	050104180328	Đỗ Quang Hưng		08/07/1994	Hà Nội
0329	3	050104180329	Lưu Phương Lan	Nữ	23/09/1994	Hà Nội
0330	4	050104180330	Trần Tiến Lâm		21/04/1994	Quảng Bình
0331	5	050104180331	Lê Xuân Ngọc		10/04/1994	Hà Nam
0332	6	050104180332	Đặng Văn Thành		20/03/1994	Hưng Yên
0333	1	050107180333	Lê Duy		10/11/1994	Thanh Hóa
0334	2	050107180334	Trần Thái Hùng		27/06/1994	Hà Tĩnh
0335	3	050107180335	Mai Lệ Huyền	Nữ	27/07/1994	Lạng Sơn
0336	4	050107180336	Hoàng Thị Liên	Nữ	23/03/1994	Bắc Giang
0337	5	050107180337	Phan Thị Kiều Loan	Nữ	12/11/1994	Thanh Hóa
0338	6	050107180338	Đỗ Thị Hương Minh	Nữ	06/05/1993	Thái Bình
0339	7	050107180339	Bùi Thị Hoài Thu	Nữ	21/05/1994	Cao Bằng
0340	8	050107180340	Hoàng Bích Thuỷ	Nữ	26/02/1994	Lạng Sơn
0341	9	050107180341	Nguyễn Trung Trí		01/11/1994	Hà Nội
0342	1	050501180342	Nguyễn Minh Đức		25/08/1994	Phú Thọ
0343	2	050501180343	Cao Thị Hằng	Nữ	28/05/1994	Hà Nội
0344	3	050501180344	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	30/05/1994	Bắc Giang
0345	4	050501180345	Hoàng Đình Phúc		07/06/1994	Hà Tĩnh
0346	5	050501180346	Lê Ngọc Sơn		01/10/1994	Hải Dương
0347	1	050105180347	Lưu Quyền Anh		25/03/1994	Hưng Yên
0348	2	050105180348	Phạm Thị Anh	Nữ	13/09/1994	Hà Nội
0349	3	050105180349	Vũ Đăng Biên		26/08/1994	Thanh Hóa
0350	4	050105180350	Lê Văn Đạt		19/04/1994	Vĩnh Phúc
0351	5	050105180351	Nguyễn Đức Hà		25/04/1994	Bắc Ninh
0352	6	050105180352	Dương Ngọc Hưng		23/08/1994	Vĩnh Phúc

0353	7	050105180353	Đoàn Văn Nam		24/09/1994	Nam Định
0354	8	050105180354	Lê Hữu Tài		30/06/1994	Thanh Hoá
0355	9	050105180355	Lương Hoàng Thành		09/07/1994	Nghệ An
0356	10	050105180356	Đặng Công Việt		15/09/1993	Hà Nội
0357	11	050105180357	Dương Văn Vũ		18/04/1994	Hà Tĩnh
0358	12	050105180358	Phạm Thị Kim Yến	Nữ	02/01/1994	Nam ĐỊnh
0359	1	050101180359	Hoàng Thị Huyền Trang	Nữ	08/07/1994	Lạng Sơn
0360	2	050101180360	Bùi Thị Hải Yến	Nữ	08/12/1994	Nghệ An
0361	1	050155180361	Lê Thị Hương	Nữ	05/10/1994	Thanh Hóa
0362	2	050155180362	Phạm Thùy Linh	Nữ	09/11/1994	Hải Dương
0363	3	050155180363	Nguyễn Thị Thanh Minh	Nữ	20/12/1993	Bắc Giang
0364	4	050155180364	Nguyễn Thị Nhinh	Nữ	16/05/1994	Bắc Ninh
0365	5	050155180365	Phạm Thị Trang Nhung	Nữ	15/09/1994	Ninh Bình
0366	6	050155180366	Đinh Thị Mai Phương	Nữ	12/11/1994	Hải Dương
0367	7	050155180367	Khúc Thị Phương	Nữ	23/11/1994	Hải Phòng
0368	8	050155180368	Nguyễn Thị Quyên	Nữ	28/10/1994	Thái Bình
0369	9	050155180369	Phạm Thị Bích Trang	Nữ	30/11/1994	Hải Phòng
0370	10	050155180370	Nguyễn Thị Trang	Nữ	21/07/1993	Hà Nội
0371	1	050107180371	Nguyễn Hoài Anh	Nữ	30/10/1994	Hà Nội
0372	2	050107180372	Lê Thị Thúy Hằng	Nữ	01/04/1994	Hà Nội
0373	3	050107180373	Ngô Tuấn Khiêm		13/01/1994	Nam Định
0374	4	050107180374	Nguyễn Văn Lương		03/02/1994	Hà Nội
0375	5	050107180375	Nguyễn Đình Nam		05/08/1994	Hải Dương
0376	6	050107180376	Nguyễn Thị Ngần	Nữ	26/07/1994	Bắc Ninh
0377	7	050107180377	Phạm Văn Nguyên		13/06/1994	Thanh Hoá
0378	8	050107180378	Phạm Thị Quỳnh	Nữ	08/07/1994	Hải Dương
0379	9	050107180379	Phạm văn Thích		10/06/1994	hà Nam
0380	10	050107180380	Đỗ Trọng Thiện		17/09/1994	Thanh Hóa
0381	11	050107180381	Vũ Thu Thủy	Nữ	04/12/1994	Thái Bình
0382	12	050107180382	Nguyễn Thị Hoài Thương	Nữ	26/02/1994	Nghệ An
0383	13	050107180383	Lê Thị Thúy Tình	Nữ	19/05/1994	Thanh Hóa
0384	14	050107180384	Trịnh Trọng Tuấn		22/09/1994	Hà Nội
0385	1	050107180385	Lê Tuấn Anh		27/08/1994	Hà Nội
0386	2	050107180386	Đồng Thị Biển	Nữ	21/05/1994	hải Dương
0387	3	050107180387	Nguyễn Huệ Chi	Nữ	06/01/1994	Tuyên Quang
0388	4	050107180388	Vũ Thị Thu Hiền	Nữ	02/05/1994	Hải Dương
0389	5	050107180389	Vũ Thị Hinh	Nữ	05/06/1994	Bắc Ninh
0390	6	050107180390	Nguyễn Thị Hường	Nữ	26/05/1994	Thái Bình
0391	7	050107180391	Lê Thị Kiên	Nữ	18/04/1994	Thanh Hoá
0392	8	050107180392	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	12/04/1994	Hải Dương
0393	9	050107180393	Lê Thị Nga	Nữ	10/09/1994	Thanh Hóa
0394	10	050107180394	Lê Thị Ngọc	Nữ	01/03/1994	Thanh Hoá
0395	11	050107180395	Hoàng Mai Phương	Nữ	04/05/1994	Thanh Hoá
0396	12	050107180396	Đào Thị Thảo	Nữ	22/12/1994	Hà Nam
0397	13	050107180397	Tạ Thị Thịnh	Nữ	06/06/1994	Thái Nguyên

0398	14	050107180398	Nguyễn Thị Thu	Nữ	28/11/1994	Hà Nội
0399	15	050107180399	Nguyễn Đoàn Thủy		11/02/1994	Hà Nội
0400	16	050107180400	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	Nữ	20/11/1993	Thanh Hóa
0401	1	050109180401	Đỗ Hoàng Quốc Chinh		29/08/1994	Hà Nội
0402	2	050109180402	Trần Thị Dung	Nữ	18/08/1994	Hải Dương
0403	3	050109180403	Đặng Hoàng Điệp		25/11/1994	Hà Nội
0404	4	050109180404	Ngô Thị Thúy Hà	Nữ	21/09/1994	Hà Nội
0405	5	050109180405	Nguyễn Thị Thúy Hậu	Nữ	24/10/1994	Hà Nội
0406	6	050109180406	Nguyễn Thị Huân	Nữ	25/09/1993	Vĩnh Phúc
0407	7	050109180407	Nghiêm Văn Hùng		07/12/1994	Bắc Ninh
0408	8	050109180408	Đinh Ngọc Hưng		11/02/1994	Phú Thọ
0409	9	050109180409	Phan Văn Mạnh		19/02/1994	Nghệ An
0410	10	050109180410	Bạch Nguyễn Trà My	Nữ	21/04/1994	Nghệ An
0411	11	050109180411	Vũ Thị Nhung	Nữ	21/03/1994	Hải Dương
0412	12	050109180412	Đoàn Thị Quý	Nữ	24/02/1994	Hà Tĩnh
0413	13	050109180413	Thân Hoàng Sơn		24/10/1994	Bắc Giang
0414	14	050109180414	Phùng Anh Tuấn		02/07/1994	Vĩnh Phúc
0415	15	050109180415	Bùi Văn Vương		25/11/1994	Hà Tĩnh
0416	1	050108180416	Nguyễn Thị Phương Anh	Nữ	19/08/1994	Bắc Giang
0417	2	050108180417	Nguyễn Văn Đức		29/10/1994	Ninh Bình
0418	3	050108180418	Phạm Hoàng Giang	Nữ	03/03/1994	Hòa Bình
0419	4	050108180419	Hoàng Ngọc Giáp		07/10/1994	Thanh Hóa
0420	5	050108180420	Nguyễn Thị Hà	Nữ	01/02/1994	Thái Bình
0421	6	050108180421	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	08/05/1994	Thái Bình
0422	7	050108180422	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	01/07/1994	Nghệ An
0423	8	050108180423	Bùi Thị Thu Hoài	Nữ	16/08/1994	Hà Tĩnh
0424	9	050108180424	Trần Việt Hoàng		10/07/1994	Thanh Hóa
0425	10	050108180425	Nguyễn Văn Huy		01/01/1994	Hà Nội
0426	11	050108180426	Nguyễn Văn Khuynh		11/11/1994	Quảng Nam
0427	12	050108180427	Nguyễn Mai Lan	Nữ	27/12/1994	Hà Nội
0428	13	050108180428	Dương Thị Lệ	Nữ	11/06/1994	Bắc Giang
0429	14	050108180429	Nguyễn Thị Lý Linh	Nữ	15/02/1994	Nghệ An
0430	15	050108180430	Phan Văn Linh		10/09/1994	Hà Nội
0431	16	050108180431	Nguyễn Thanh Long		02/12/1994	Nghệ An
0432	17	050108180432	Nguyễn Thị Lợi	Nữ	06/02/1994	Hà Nội
0433	18	050108180433	Trương Công Minh		29/11/1994	Hà Nam
0434	19	050108180434	Dương Văn Nghĩa		22/09/1994	Hải Dương
0435	20	050108180435	Đào Thị Thanh Nhàn	Nữ	13/04/1994	Hải Dương
0436	21	050108180436	Nguyễn Minh Phương	Nữ	16/01/1993	Thái Bình
0437	22	050108180437	Khổng Văn Quang		14/03/1994	Vĩnh Phúc
0438	23	050108180438	Vũ Đức Quân		22/04/1994	Hưng Yên
0439	24	050108180439	Lê Xuân Sơn		06/11/1994	Thanh Hoá
0440	25	050108180440	Trịnh Thị Thanh	Nữ	12/12/1994	Hải Dương
0441	26	050108180441	Đào Minh Thế		22/02/1994	Bắc Giang
0442	27	050108180442	Vũ Minh Tuấn		10/05/1994	Hà Nội

0443	28	050108180443	Nghiêm Trần Vượng		24/12/1994	Hà Tĩnh
0444	1	050101180444	Trương Văn Cường		16/02/1994	Thanh Hóa
0445	2	050101180445	Nguyễn Thị Hà	Nữ	14/03/1994	Hải Dương
0446	3	050101180446	Đặng Trung Kiên		02/02/1994	Thái Nguyên
0447	4	050101180447	Nguyễn Mỹ Linh	Nữ	15/09/1994	Hà Nội
0448	5	050101180448	Phan Minh Tuấn		24/04/1994	Hà Nội
0449	1	050115180449	Trần Mai Anh	Nữ	20/10/1994	Hà Nội
0450	2	050115180450	Nguyễn Anh Chiến		02/09/1993	Thanh Hoá
0451	3	050115180451	Mai Văn Dũng		16/10/1994	Điện Biên
0452	4	050115180452	Phùng Đức Đạt		09/02/1994	Phú Thọ
0453	5	050115180453	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	04/06/1993	Hà Nội
0454	6	050115180454	Nguyễn Trường Nam		30/09/1994	Hà Nội
0455	7	050115180455	Hoàng Thị Thảo	Nữ	24/05/1994	Thanh Hóa
0456	8	050115180456	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	03/12/1994	Hà Nội
0457	9	050115180457	Lê Minh Tiến		28/08/1994	Phú Thọ
0458	10	050115180458	Trần Trung Tín		25/11/1994	Yên Bái
0459	11	050115180459	Đào Thị Quỳnh Trang	Nữ	02/11/1994	Nghệ An
0460	12	050115180460	Đoàn Thị Thanh Tú	Nữ	27/04/1994	Kon Tum
0461	1	050163180461	Phan Thị Mỹ Hảo	Nữ	16/08/1994	Quảng Ngãi
0462	2	050163180462	Trần Thị Bích Ngọc	Nữ	24/08/1993	Hà Nôi
0463	3	050163180463	Nguyễn Thị Quỳnh	Nữ	11/01/1993	Hà Nội
0464	1	059001180464	Vi Mạnh Cường		29/09/1994	Bắc Giang
0465	2	059001180465	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	25/05/1994	Hà Nội
0466	3	059001180466	Nguyễn Thị Mai	Nữ	25/10/1993	Thanh Hóa
0467	4	059001180467	Vũ Tiến Mạnh		06/11/1994	Bắc Ninh
0468	5	059001180468	Nguyễn Lập Sơn		04/07/1994	Hà Nội
0469	6	059001180469	Đinh Thị Thanh Tâm	Nữ	12/06/1994	hà tĩnh
0470	7	059001180470	Bùi Thanh Thiện		20/10/1994	Bắc Giang
0471	1	050101180471	Vũ Ngọc Giang		22/04/1994	Thái Nguyên
0472	1	050101180472	Nguyễn Đức Anh		22/02/1994	Thái Bình
0473	2	050101180473	Nguyễn Ngọc Dũng		17/12/1994	Hà Nội
0474	3	050101180474	Trịnh Thuỳ Dương	Nữ	07/02/1994	Hà Nội
0475	4	050101180475	Hoàng Thị Hải	Nữ	05/08/1994	Bắc Giang
0476	5	050101180476	Nguyễn Thị Hảo	Nữ	26/03/1994	Nghệ An
0477	6	050101180477	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	17/01/1994	Hưng yên
0478	7	050101180478	Bùi Thị Lành	Nữ	04/05/1994	Hưng Yên
0479	8	050101180479	Nguyễn Bá Mạnh		05/11/1994	Hà Nội
0480	9	050101180480	Lê Thị Minh Phương	Nữ	08/08/1994	Bắc Ninh
0481	10	050101180481	Lê Minh Thắng		08/12/1994	Hà Nội

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN BSNT KHÓA 43 - NĂM 2018

SBD	Trường TN	Ngành dự thi	Chuyên ngành ĐK	Mã số NT	Mã ĐT
NT-0062	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh	NT 62720501	0111
NT-0113	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0536	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0158	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0159	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0168	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0196	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0204	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0238	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0241	Y Dược Thái Bình	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0252	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0255	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0261	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0269	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0288	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0291	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0297	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0301	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0307	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0333	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0342	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0353	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0363	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0365	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0384	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0389	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0396	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0397	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0417	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0435	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0436	Y khoa Vinh	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0438	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0440	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0470	Y khoa Vinh	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0490	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0499	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0513	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111

NT-0516	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0534	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0541	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0551	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0569	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0588	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0596	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0598	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0608	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0609	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0636	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0662	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0690	Y Hà Nội	Đa khoa	Chẩn đoán hình ảnh		0111
NT-0471	Y Hà Nội	Đa khoa	Da liễu		0107
NT-0472	Y Hà Nội	Đa khoa	Da liễu	NT 62723501	0107
NT-0584	Y Hà Nội	Đa khoa	Da liễu		0107
NT-0627	Y Hà Nội	Đa khoa	Da liễu		0107
NT-0651	Y Hà Nội	Đa khoa	Da liễu		0107
NT-0225	Y Hà Nội	Đa khoa	Dị ứng - MDLS		0101
NT-0226	Y Hà Nội	Đa khoa	Dị ứng - MDLS	NT 62722035	0101
NT-0418	Y Hà Nội	Đa khoa	Dị ứng - MDLS		0101
NT-0607	Y Dược Thái Nguyên	Đa khoa	Dị ứng - MDLS		0101
NT-0038	Y Hà Nội	Đa khoa	Dinh dưỡng	NT 62728801	0401
NT-0555	Y Hà Nội	Đa khoa	Dinh dưỡng		0401
NT-0590	Y Hà Nội	Đa khoa	Dinh dưỡng		0401
NT-0681	Y Hà Nội	Đa khoa	Dinh dưỡng		0401
NT-0475	Y Hà Nội	Đa khoa	Dược lý và độc chất	NT 62725001	0118
NT-0031	Y Hà Nội	Đa khoa	Gây mê hồi sức	NT 62723301	0102
NT-0035	Y Hà Nội	Đa khoa	Gây mê hồi sức		0102
NT-0054	Y Hà Nội	Đa khoa	Gây mê hồi sức		0102
NT-0061	Y Hà Nội	Đa khoa	Gây mê hồi sức		0102
NT-0066	Y Hà Nội	Đa khoa	Gây mê hồi sức		0102
NT-0083	Y Hà Nội	Đa khoa	Gây mê hồi sức		0102
NT-0103	Y Hà Nội	Đa khoa	Gây mê hồi sức		0102
NT-0268	Y Hà Nội	Đa khoa	Gây mê hồi sức		0102
NT-0407	Y Hà Nội	Đa khoa	Gây mê hồi sức		0102
NT-0553	Y Hà Nội	Đa khoa	Gây mê hồi sức		0102
NT-0680	Y Hà Nội	Đa khoa	Gây mê hồi sức		0102
NT-0691	Y Hà Nội	Đa khoa	Gây mê hồi sức		0102
NT-0068	Y Hà Nội	Đa khoa	Giải phẫu bệnh	NT 62720 05	0101
NT-0093	Y Hà Nội	Đa khoa	Giải phẫu bệnh		0101
NT-0198	Y Hà Nội	Đa khoa	Giải phẫu bệnh		0101
NT-0214	Y Hà Nội	Đa khoa	Giải phẫu bệnh		0101
NT-0265	Y Hà Nội	Đa khoa	Giải phẫu bệnh		0101
NT-0332	Y Hà Nội	Đa khoa	Giải phẫu bệnh		0101

NT-0437	Y Hà Nội	Đa khoa	Giải phẫu bệnh		0101
NT-0589	Y Hà Nội	Đa khoa	Giải phẫu bệnh		0101
NT-0621	Y Hà Nội	Đa khoa	Giải phẫu bệnh		0101
NT-0639	Y Hà Nội	Đa khoa	Giải phẫu bệnh		0101
NT-0694	Y Hà Nội	Đa khoa	Giải phẫu bệnh		0101
NT-0696	Y Hà Nội	Đa khoa	Giải phẫu bệnh		0101
NT-0115	Y Hà Nội	Đa khoa	Giải phẫu người	NT 62720110	0101
NT-0258	Y Hà Nội	Đa khoa	Giải phẫu người		0101
NT-0390	Y Hà Nội	Đa khoa	Giải phẫu người		0101
NT-0078	Y Hà Nội	Đa khoa	Hóa sinh y học	NT 62720401	0101
NT-0136	Y Hà Nội	Đa khoa	Hóa sinh y học		0101
NT-0239	Y Hà Nội	Đa khoa	Hóa sinh y học		0101
NT-0326	Y Hà Nội	Đa khoa	Hóa sinh y học		0101
NT-0355	Y Hà Nội	Đa khoa	Hóa sinh y học		0101
NT-0466	Y Hà Nội	Đa khoa	Hóa sinh y học		0101
NT-0550	HV Quân Y	Đa khoa	Hóa sinh y học		0101
NT-0587	HV Quân Y	Đa khoa	Hóa sinh y học		0101
NT-0601	Khoa Y Dược ĐH Quốc gia	Đa khoa	Hóa sinh y học		0101
NT-0650	Y Hà Nội	Đa khoa	Hóa sinh y học		0101
NT-0663	Y Hà Nội	Đa khoa	Hóa sinh y học		0101
NT-0678	Y Hà Nội	Đa khoa	Hóa sinh y học		0101
NT-0049	Y Hà Nội	Đa khoa	Hồi sức cấp cứu và CĐ	NT 62723101	0103
NT-0087	Y Hà Nội	Đa khoa	Hồi sức cấp cứu và CĐ		0103
NT-0123	Y Hà Nội	Đa khoa	Hồi sức cấp cứu và CĐ		0103
NT-0129	Y Hà Nội	Đa khoa	Hồi sức cấp cứu và CĐ		0103
NT-0148	Y Hà Nội	Đa khoa	Hồi sức cấp cứu và CĐ		0103
NT-0150	Y Hà Nội	Đa khoa	Hồi sức cấp cứu và CĐ		0103
NT-0201	Y Hà Nội	Đa khoa	Hồi sức cấp cứu và CĐ		0103
NT-0411	Y Hà Nội	Đa khoa	Hồi sức cấp cứu và CĐ		0103
NT-0642	Y Dược Hải Phòng	Đa khoa	Hồi sức cấp cứu và CĐ		0103
NT-0147	Y Hà Nội	Đa khoa	Huyết học - Truyền máu	NT 62722501	0107
NT-0175	Y Dược Thái Nguyên	Đa khoa	Huyết học - Truyền máu		0107
NT-0176	HV Quân Y	Đa khoa	Huyết học - Truyền máu		0107
NT-0280	Y Hà Nội	Đa khoa	Huyết học - Truyền máu		0107
NT-0281	Y Hà Nội	Đa khoa	Huyết học - Truyền máu		0107
NT-0299	Y Hà Nội	Đa khoa	Huyết học - Truyền máu		0107
NT-0321	Y Hà Nội	Đa khoa	Huyết học - Truyền máu		0107
NT-0336	Y Hà Nội	Đa khoa	Huyết học - Truyền máu		0107
NT-0352	Y Hà Nội	Đa khoa	Huyết học - Truyền máu		0107
NT-0413	Y Hà Nội	Đa khoa	Huyết học - Truyền máu		0107
NT-0476	Y Dược Hải Phòng	Đa khoa	Huyết học - Truyền máu		0107
NT-0500	Y Hà Nội	Đa khoa	Huyết học - Truyền máu		0107
NT-0546	Y Hà Nội	Đa khoa	Huyết học - Truyền máu		0107
NT-0616	Y Hà Nội	Đa khoa	Huyết học - Truyền máu		0107
NT-0625	Y khoa Vinh	Đa khoa	Huyết học - Truyền máu		0107

NT-0626	Y Hà Nội	Đa khoa	Huyết học - Truyền máu		0107
NT-0052	Khoa Y Dược ĐH Quốc gia	Đa khoa	Lao	NT 62722401	0109
NT-0131	Y Hà Nội	Đa khoa	Lao		0109
NT-0141	Y Hà Nội	Đa khoa	Lao		0109
NT-0218	Y Hà Nội	Đa khoa	Lao		0109
NT-0220	Y Hà Nội	Đa khoa	Lao		0109
NT-0248	Y Hà Nội	Đa khoa	Lao		0109
NT-0319	Y Hà Nội	Đa khoa	Lao		0109
NT-0358	HV Quân Y	Đa khoa	Lao		0109
NT-0378	Y Hà Nội	Đa khoa	Lao		0109
NT-0423	Y Hà Nội	Đa khoa	Lao		0109
NT-0494	Y Dược Hải Phòng	Đa khoa	Lao		0109
NT-0637	HV Quân Y	Đa khoa	Lao		0109
NT-0229	Y Hà Nội	Đa khoa	Mô phôi thai học	NT 62720101	0101
NT-0337	Y Hà Nội	Đa khoa	Mô phôi thai học		0101
NT-0594	Y Hà Nội	Đa khoa	Mô phôi thai học		0101
NT-0032	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa	NT 62720750	0104
NT-0042	Khoa Y Dược ĐH Quốc gia	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0064	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0074	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0101	Khoa Y Dược ĐH Quốc gia	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0110	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0118	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0126	Y Dược Thái Bình	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0128	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0134	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0135	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0138	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0142	Y Dược Hải Phòng	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0149	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0163	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0182	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0203	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0209	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0219	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0250	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0276	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0292	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0312	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0314	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0316	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0345	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0350	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0359	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0385	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104

NT-0410	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0452	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0456	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0473	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0477	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0484	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0492	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0508	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0518	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0524	Y Dược Thái Bình	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0526	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0528	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0537	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0560	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0567	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0577	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0628	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0629	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0635	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0640	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0643	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0652	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0664	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0667	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0683	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0684	Y Hà Nội	Đa khoa	Ngoại khoa		0104
NT-0058	Y Hà Nội	Đa khoa	Nhãn khoa	NT 62725601	0157
NT-0102	Y Hà Nội	Đa khoa	Nhãn khoa		0157
NT-0520	Y Hà Nội	Đa khoa	Nhãn khoa		0157
NT-0575	Y Hà Nội	Đa khoa	Nhãn khoa		0157
NT-0597	Y Hà Nội	Đa khoa	Nhãn khoa		0157
NT-0624	Y Hà Nội	Đa khoa	Nhãn khoa		0157
NT-0027	Y Hà Nội	Đa khoa	Nhi khoa	NT 62721655	0106
NT-0030	HV Quân Y	Đa khoa	Nhi khoa		0106
NT-0050	Y Hà Nội	Đa khoa	Nhi khoa		0106
NT-0069	Y Hà Nội	Đa khoa	Nhi khoa		0106
NT-0099	Y Hà Nội	Đa khoa	Nhi khoa		0106
NT-0106	Y Hà Nội	Đa khoa	Nhi khoa		0106
NT-0127	Y Hà Nội	Đa khoa	Nhi khoa		0106
NT-0169	Y Hà Nội	Đa khoa	Nhi khoa		0106
NT-0180	Y Hà Nội	Đa khoa	Nhi khoa		0106
NT-0228	Y Hà Nội	Đa khoa	Nhi khoa		0106
NT-0234	Y Hà Nội	Đa khoa	Nhi khoa		0106
NT-0262	Y Hà Nội	Đa khoa	Nhi khoa		0106
NT-0277	Y Hà Nội	Đa khoa	Nhi khoa		0106

NT-0320	Y Hà Nội	Đa khoa	Nhi khoa		0106
NT-0362	Y Hà Nội	Đa khoa	Nhi khoa		0106
NT-0372	Y Hà Nội	Đa khoa	Nhi khoa		0106
NT-0386	Y Hà Nội	Đa khoa	Nhi khoa		0106
NT-0402	Y Hà Nội	Đa khoa	Nhi khoa		0106
NT-0412	Y Hà Nội	Đa khoa	Nhi khoa		0106
NT-0416	Y Hà Nội	Đa khoa	Nhi khoa		0106
NT-0420	Y Hà Nội	Đa khoa	Nhi khoa		0106
NT-0429	Y Hà Nội	Đa khoa	Nhi khoa		0106
NT-0459	Y Hà Nội	Đa khoa	Nhi khoa		0106
NT-0529	Y Hà Nội	Đa khoa	Nhi khoa		0106
NT-0669	Y Hà Nội	Đa khoa	Nhi khoa		0106
NT-0028	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0029	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa	NT 62722050	0107
NT-0067	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0091	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0108	HV Quân Y	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0122	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0151	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0154	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0157	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0178	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0179	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0183	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0188	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0193	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0208	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0210	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0212	Y Dược Huế	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0216	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0233	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0235	HV Quân Y	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0253	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0270	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0274	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0282	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0284	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0296	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0302	Y Dược Hải Phòng	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0322	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0329	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0338	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0356	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0369	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0370	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107

NT-0388	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0393	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0400	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0405	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0425	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0432	Khoa Y Dược ĐH Quốc gia	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0441	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0445	Y Dược Thái Bình	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0447	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0448	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0449	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0450	Y khoa Vinh	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0454	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0483	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0491	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0493	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0495	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0496	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0501	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0502	Y Dược Hải Phòng	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0509	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0511	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0517	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0523	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0538	HV Quân Y	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0544	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0548	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0552	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0554	Y Dược Thái Bình	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0556	HV Quân Y	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0572	HV Quân Y	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0582	Y khoa Vinh	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0593	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0610	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0614	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0632	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0641	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0644	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0647	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0654	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0665	HV Quân Y	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0679	Y Dược Thái Nguyên	Đa khoa	Nội khoa		0107
NT-0077	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội Tim mạch	NT 62722025	0107
NT-0112	Khoa Y Dược ĐH Quốc gia	Đa khoa	Nội Tim mạch		0107
NT-0114	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội Tim mạch		0107

NT-0143	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội Tim mạch		0107
NT-0213	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội Tim mạch		0107
NT-0215	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội Tim mạch		0107
NT-0271	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội Tim mạch		0107
NT-0331	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội Tim mạch		0107
NT-0381	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội Tim mạch		0107
NT-0398	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội Tim mạch		0107
NT-0478	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội Tim mạch		0107
NT-0486	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội Tim mạch		0107
NT-0505	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội Tim mạch		0107
NT-0519	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội Tim mạch		0107
NT-0576	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội Tim mạch		0107
NT-0613	Y khoa Vinh	Đa khoa	Nội Tim mạch		0107
NT-0656	Y Dược Thái Bình	Đa khoa	Nội Tim mạch		0107
NT-0666	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội Tim mạch		0107
NT-0668	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội Tim mạch		0107
NT-0671	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội Tim mạch		0107
NT-0673	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội Tim mạch		0107
NT-0677	Y Hà Nội	Đa khoa	Nội Tim mạch		0107
NT-0092	Y Hà Nội	Đa khoa	Phẫu thuật tạo hình	NT 62721001	0104
NT-0275	Y Hà Nội	Đa khoa	Phẫu thuật tạo hình		0104
NT-0308	Y Hà Nội	Đa khoa	Phẫu thuật tạo hình		0104
NT-0311	Y Hà Nội	Đa khoa	Phẫu thuật tạo hình		0104
NT-0427	Y Hà Nội	Đa khoa	Phẫu thuật tạo hình		0104
NT-0539	Y Hà Nội	Đa khoa	Phẫu thuật tạo hình		0104
NT-0117	Y Hà Nội	Đa khoa	Phục hồi chức năng	NT 62724301	0107
NT-0247	Y Hà Nội	Đa khoa	Phục hồi chức năng		0107
NT-0260	Y Hà Nội	Đa khoa	Phục hồi chức năng		0107
NT-0318	Y Hà Nội	Đa khoa	Phục hồi chức năng		0107
NT-0347	Y Hà Nội	Đa khoa	Phục hồi chức năng		0107
NT-0380	Y Dược Thái Bình	Đa khoa	Phục hồi chức năng		0107
NT-0580	Khoa Y Dược ĐH Quốc gia	Đa khoa	Phục hồi chức năng		0107
NT-0583	Y Hà Nội	Đa khoa	Phục hồi chức năng		0107
NT-0630	Y Hà Nội	Đa khoa	Phục hồi chức năng		0107
NT-0005	Y Hà Nội	RHM	Răng - Hàm - Mặt	NT 62722801	0501
NT-0007	Y Hà Nội	RHM	Răng - Hàm - Mặt		0501
NT-0009	Y Hà Nội	RHM	Răng - Hàm - Mặt		0501
NT-0013	Y Hà Nội	RHM	Răng - Hàm - Mặt		0501
NT-0015	Y Hà Nội	RHM	Răng - Hàm - Mặt		0501
NT-0046	Y Hà Nội	Đa khoa	Sản phụ khoa	NT 62721301	0105
NT-0047	Y Hà Nội	Đa khoa	Sản phụ khoa		0105
NT-0070	Y Hà Nội	Đa khoa	Sản phụ khoa		0105
NT-0133	Y Hà Nội	Đa khoa	Sản phụ khoa		0105
NT-0162	Y Hà Nội	Đa khoa	Sản phụ khoa		0105
NT-0272	Y Hà Nội	Đa khoa	Sản phụ khoa		0105

NT-0399	Y Hà Nội	Đa khoa	Sản phụ khoa		0105
NT-0515	Y Hà Nội	Đa khoa	Sản phụ khoa		0105
NT-0535	Y Hà Nội	Đa khoa	Sản phụ khoa		0105
NT-0682	Y Hà Nội	Đa khoa	Sản phụ khoa		0105
NT-0686	Y Hà Nội	Đa khoa	Sản phụ khoa		0105
NT-0693	Y Hà Nội	Đa khoa	Sản phụ khoa		0105
NT-0619	Y Hà Nội	Đa khoa	Sinh lý học	NT 62720405	0101
NT-0692	Y Hà Nội	Đa khoa	Sinh lý học		0101
NT-0283	Y Hà Nội	Đa khoa	Tai - Mũi - Họng	NT 62725301	0155
NT-0339	Y Hà Nội	Đa khoa	Tai - Mũi - Họng		0155
NT-0382	Y Hà Nội	Đa khoa	Tai - Mũi - Họng		0155
NT-0434	Y Hà Nội	Đa khoa	Tai - Mũi - Họng		0155
NT-0444	Y Hà Nội	Đa khoa	Tai - Mũi - Họng		0155
NT-0462	Y Hà Nội	Đa khoa	Tai - Mũi - Họng		0155
NT-0468	Y Hà Nội	Đa khoa	Tai - Mũi - Họng		0155
NT-0489	Y Hà Nội	Đa khoa	Tai - Mũi - Họng		0155
NT-0615	Y Hà Nội	Đa khoa	Tai - Mũi - Họng		0155
NT-0623	Y Hà Nội	Đa khoa	Tai - Mũi - Họng		0155
NT-0034	Y Hà Nội	Đa khoa	Tâm thần	NT 62722245	0107
NT-0192	HV Quân Y	Đa khoa	Tâm thần		0107
NT-0295	HV Quân Y	Đa khoa	Tâm thần		0107
NT-0361	Y Hà Nội	Đa khoa	Tâm thần		0107
NT-0391	Y Hà Nội	Đa khoa	Tâm thần		0107
NT-0406	Y Hà Nội	Đa khoa	Tâm thần		0107
NT-0430	Y Hà Nội	Đa khoa	Tâm thần		0107
NT-0498	Y Hà Nội	Đa khoa	Tâm thần		0107
NT-0564	Y Hà Nội	Đa khoa	Tâm thần		0107
NT-0566	Y Hà Nội	Đa khoa	Tâm thần		0107
NT-0592	Y Hà Nội	Đa khoa	Tâm thần		0107
NT-0600	Y Hà Nội	Đa khoa	Tâm thần		0107
NT-0605	Y Hà Nội	Đa khoa	Tâm thần		0107
NT-0661	Y Hà Nội	Đa khoa	Tâm thần		0107
NT-0051	Y Hà Nội	Đa khoa	Thần kinh	NT 62722140	0107
NT-0071	Y Hà Nội	Đa khoa	Thần kinh		0107
NT-0081	Y Hà Nội	Đa khoa	Thần kinh		0107
NT-0199	Y Hà Nội	Đa khoa	Thần kinh		0107
NT-0211	Y Hà Nội	Đa khoa	Thần kinh		0107
NT-0287	Y Hà Nội	Đa khoa	Thần kinh		0107
NT-0303	Y Hà Nội	Đa khoa	Thần kinh		0107
NT-0340	Y Hà Nội	Đa khoa	Thần kinh		0107
NT-0403	Y Hà Nội	Đa khoa	Thần kinh		0107
NT-0422	HV Quân Y	Đa khoa	Thần kinh		0107
NT-0461	Y Hà Nội	Đa khoa	Thần kinh		0107
NT-0543	Y Dược Hải Phòng	Đa khoa	Thần kinh		0107
NT-0573	Y Dược Thái Nguyên	Đa khoa	Thần kinh		0107

NT-0581	Y Hà Nội	Đa khoa	Thần kinh		0107
NT-0586	Y Hà Nội	Đa khoa	Thần kinh		0107
NT-0633	Y Hà Nội	Đa khoa	Thần kinh		0107
NT-0084	Khoa Y Dược ĐH Quốc gia	Đa khoa	Truyền nhiễm & CBNĐ	NT 62723801	0109
NT-0105	Y Hà Nội	Đa khoa	Truyền nhiễm & CBNĐ		0109
NT-0140	Y Hà Nội	Đa khoa	Truyền nhiễm & CBNĐ		0109
NT-0172	Y Hà Nội	Đa khoa	Truyền nhiễm & CBNĐ		0109
NT-0194	Y Hà Nội	Đa khoa	Truyền nhiễm & CBNĐ		0109
NT-0237	Y Hà Nội	Đa khoa	Truyền nhiễm & CBNĐ		0109
NT-0251	HV Quân Y	Đa khoa	Truyền nhiễm & CBNĐ		0109
NT-0273	Y Dược Thái Nguyên	Đa khoa	Truyền nhiễm & CBNĐ		0109
NT-0374	Y Hà Nội	Đa khoa	Truyền nhiễm & CBNĐ		0109
NT-0387	Y Hà Nội	Đa khoa	Truyền nhiễm & CBNĐ		0109
NT-0443	Khoa Y Dược ĐH Quốc gia	Đa khoa	Truyền nhiễm & CBNĐ		0109
NT-0487	Y khoa Vinh	Đa khoa	Truyền nhiễm & CBNĐ		0109
NT-0506	Y Hà Nội	Đa khoa	Truyền nhiễm & CBNĐ		0109
NT-0649	Y Hà Nội	Đa khoa	Truyền nhiễm & CBNĐ		0109
NT-0688	Y Hà Nội	Đa khoa	Truyền nhiễm & CBNĐ		0109
NT-0044	Y Hà Nội	Đa khoa	Ung thư	NT 62722301	0108
NT-0152	Y Hà Nội	Đa khoa	Ung thư		0108
NT-0155	Y Hà Nội	Đa khoa	Ung thư		0108
NT-0160	Y Hà Nội	Đa khoa	Ung thư		0108
NT-0165	Y Hà Nội	Đa khoa	Ung thư		0108
NT-0170	Y Hà Nội	Đa khoa	Ung thư		0108
NT-0190	Y Hà Nội	Đa khoa	Ung thư		0108
NT-0217	Y Hà Nội	Đa khoa	Ung thư		0108
NT-0230	Y Hà Nội	Đa khoa	Ung thư		0108
NT-0259	Y Hà Nội	Đa khoa	Ung thư		0108
NT-0300	Khoa Y Dược ĐH Quốc gia	Đa khoa	Ung thư		0108
NT-0306	Y Hà Nội	Đa khoa	Ung thư		0108
NT-0315	Y Hà Nội	Đa khoa	Ung thư		0108
NT-0324	Y Hà Nội	Đa khoa	Ung thư		0108
NT-0344	Y Hà Nội	Đa khoa	Ung thư		0108
NT-0351	Y Hà Nội	Đa khoa	Ung thư		0108
NT-0357	Y Hà Nội	Đa khoa	Ung thư		0108
NT-0377	Y Hà Nội	Đa khoa	Ung thư		0108
NT-0409	Y Hà Nội	Đa khoa	Ung thư		0108
NT-0431	Y Hà Nội	Đa khoa	Ung thư		0108
NT-0463	Y Hà Nội	Đa khoa	Ung thư		0108
NT-0474	Y Hà Nội	Đa khoa	Ung thư		0108
NT-0479	Y Hà Nội	Đa khoa	Ung thư		0108
NT-0514	Y Hà Nội	Đa khoa	Ung thư		0108
NT-0532	Y Hà Nội	Đa khoa	Ung thư		0108
NT-0562	Y Hà Nội	Đa khoa	Ung thư		0108
NT-0658	Y Hà Nội	Đa khoa	Ung thư		0108

NT-0689	Y Hà Nội	Đa khoa	Ung thư		0108
NT-0096	Y Hà Nội	Đa khoa	Vi sinh y học	NT 62720805	0101
NT-0166	Y Hà Nội	Đa khoa	Vi sinh y học		0101
NT-0304	Y Hà Nội	Đa khoa	Vi sinh y học		0101
NT-0327	Y Hà Nội	Đa khoa	Vi sinh y học		0101
NT-0657	Y Hà Nội	Đa khoa	Vi sinh y học		0101
NT-0699	Y Hà Nội	YHCT	Y học cổ truyền	NT 62726001	0115
NT-0703	YDCTVN	YHCT	Y học cổ truyền		0115
NT-0704	Y Hà Nội	YHCT	Y học cổ truyền		0115
NT-0706	Y Hà Nội	YHCT	Y học cổ truyền		0115
NT-0710	Y Hà Nội	YHCT	Y học cổ truyền		0115
NT-0713	Y Hà Nội	YHCT	Y học cổ truyền		0115
NT-0717	Y Hà Nội	YHCT	Y học cổ truyền		0115
NT-0720	Y Hà Nội	YHCT	Y học cổ truyền		0115
NT-0721	YDCTVN	YHCT	Y học cổ truyền		0115
NT-0722	Y Hà Nội	YHCT	Y học cổ truyền		0115
NT-0723	Y Hà Nội	YHCT	Y học cổ truyền		0115
NT-0725	YDCTVN	YHCT	Y học cổ truyền		0115
NT-0022	Y Dược Huế	YHDP	Y học dự phòng	NT 62727601	0163
NT-0024	Y Hà Nội	YHDP	Y học dự phòng		0163
NT-0025	Y Hà Nội	YHDP	Y học dự phòng		0163
NT-0094	Y Hà Nội	Đa khoa	Y học gia đình	NT 6272	9001
NT-0267	Y Hà Nội	Đa khoa	Y học gia đình		9001
NT-0366	Y Dược Thái Bình	Đa khoa	Y học gia đình		9001
NT-0373	Y Hà Nội	Đa khoa	Y học gia đình		9001
NT-0507	Y Hà Nội	Đa khoa	Y học gia đình		9001
NT-0521	Y Hà Nội	Đa khoa	Y học gia đình		9001
NT-0565	Y Dược Thái Nguyên	Đa khoa	Y học gia đình		9001
NT-0156	Y Dược Thái Nguyên	Đa khoa	Y pháp	NT 62720115	0101
NT-0033	Y Hà Nội	Đa khoa	Y sinh học di truyền	NT 62726201	0101
NT-0107	Khoa Y Dược ĐH Quốc gia	Đa khoa	Y sinh học di truyền		0101
NT-0124	Y Hà Nội	Đa khoa	Y sinh học di truyền		0101
NT-0181	Y Hà Nội	Đa khoa	Y sinh học di truyền		0101
NT-0189	Y Hà Nội	Đa khoa	Y sinh học di truyền		0101
NT-0263	Y Hà Nội	Đa khoa	Y sinh học di truyền		0101
NT-0309	Y Hà Nội	Đa khoa	Y sinh học di truyền		0101
NT-0367	Y Hà Nội	Đa khoa	Y sinh học di truyền		0101
NT-0465	Y Hà Nội	Đa khoa	Y sinh học di truyền		0101
NT-0557	Y Hà Nội	Đa khoa	Y sinh học di truyền		0101

Lớp	Cơ sở ĐT	Kết quả thi					Tổng điểm	TT trước ĐKCN
		Điểm M1	Điểm M2		Điểm M3	Điểm M4		
1		6,56	7,04	13,60	6,77	Miễn thi	**20,37**	79
1		6,73	6,08	12,81	7,02	Miễn thi	**19,83**	245
1	SYTHN	5,77	6,67	12,44	6,06	72,50	**18,50**	110
1	SYTHN	6,19	6,33	12,52	6,23	87,50	**18,75**	200
1		5,44	6,25	11,69	7,25	88,80	**18,94**	219
1	SYTHN	5,96	6,44	12,40	6,17	Miễn thi	**18,57**	237
1		5,67	6,48	12,15	6,65	Miễn thi	**18,80**	212
1		6,13	7,56	13,69	6,29	Miễn thi	**19,98**	101
1	SYTHN	5,98	6,81	12,79	6,44	Miễn thi	**19,23**	160
1		5,77	6,75	12,52	6,44	87,50	**18,96**	194
1		5,88	6,13	12,01	7,17	93,80	**19,18**	173
1		5,29	7,81	13,10	6,50	85,00	**19,60**	132
1		6,35	6,38	12,73	7,02	71,30	**19,75**	196
1		6,00	6,69	12,69	6,85	Miễn thi	**19,54**	124
1		5,60	6,54	12,14	6,81	92,50	**18,95**	116
1		5,81	6,96	12,77	6,33	Miễn thi	**19,10**	179
1		5,54	7,46	13,00	6,27	Miễn thi	**19,27**	156
1		5,85	6,77	12,62	6,81	85,00	**19,43**	141
1		5,63	6,52	12,15	6,63	Miễn thi	**18,78**	214
1		5,77	7,06	12,83	6,23	Miễn thi	**19,06**	128
1		5,77	7,23	13,00	6,56	Miễn thi	**19,56**	185
1		5,85	7,10	12,95	5,96	85,00	**18,91**	202
1		6,02	6,06	12,08	6,77	95,00	**18,85**	208
1		6,19	7,60	13,79	7,65	81,30	**21,44**	47
1		6,08	6,23	12,31	6,79	78,80	**19,10**	178
1		5,54	6,98	12,52	6,71	Miễn thi	**19,23**	162
1		5,94	6,50	12,44	7,06	92,50	**19,50**	136
1	PHĐHY	5,17	6,40	11,57	6,56	75,00	**18,13**	279
1		5,92	6,46	12,38	6,83	Miễn thi	**19,21**	168
1		6,23	6,40	12,63	6,65	91,30	**19,28**	74
1		6,00	6,92	12,92	6,27	67,50	**19,19**	154
1	Vinmec	6,79	6,46	13,25	7,19	Miễn thi	**20,44**	161
1		6,27	6,52	12,79	6,44	68,80	**19,23**	170
1		5,98	7,04	13,02	6,69	81,30	**19,71**	120
1		6,27	5,94	12,21	6,83	Miễn thi	**19,04**	188
1		6,21	7,15	13,36	7,06	86,30	**20,42**	76
1		6,21	6,65	12,86	7,77	Miễn thi	**20,63**	64

1		5,90	6,04	11,94	7,02	72,50	**18,96**	195
1		6,38	6,92	13,30	6,48	87,50	**19,78**	114
1	Vinmec	5,75	8,23	13,98	6,56	86,30	**20,54**	67
1		5,98	6,58	12,56	6,65	Miễn thi	**19,21**	164
1		5,81	6,75	12,56	6,65	57,50	**19,21**	167
1		5,73	6,21	11,94	6,85	Miễn thi	**18,79**	130
1		6,27	6,27	12,54	6,77	78,80	**19,31**	213
1		5,60	6,88	12,48	7,08	67,50	**19,56**	151
1		5,60	7,31	12,91	7,13	63,80	**20,04**	209
1		6,13	6,21	12,34	6,50	66,30	**18,84**	97
1		6,56	5,96	12,52	6,98	Miễn thi	**19,50**	135
1		5,54	7,19	12,73	7,42	Miễn thi	**20,15**	92
1		5,90	7,02	12,92	6,88	Miễn thi	**19,80**	113
2	PHĐHY	5,58	5,63	11,21	6,92	78,80	**18,13**	42
2		6,56	7,46	14,02	7,83	Miễn thi	**21,85**	277
2		6,35	7,75	14,10	7,56	Miễn thi	**21,66**	43
2		6,40	7,54	13,94	7,67	Miễn thi	**21,61**	44
2		6,54	7,85	14,39	8,19	92,50	**22,58**	37
3		4,75	5,29	10,04	5,52	53,80	**15,56**	470
3		4,79	5,90	10,69	5,46	72,50	**16,15**	494
3		5,60	7,02	12,62	6,23	Miễn thi	**18,85**	206
3		5,10	6,04	11,14	5,73	72,50	**16,87**	418
4		5,58	5,69	11,27	5,15	Miễn thi	**16,42**	452
4		5,21	4,88	10,09	5,46	85,00	**15,55**	495
4		4,90	6,19	11,09	6,83	Miễn thi	**17,92**	301
4		5,13	7,50	12,63	6,54	80,00	**19,17**	174
5		6,10	5,92	12,02	5,73	Miễn thi	**17,75**	326
6		6,56	7,25	13,81	6,77	Miễn thi	**20,58**	66
6		6,81	7,21	14,02	7,35	Miễn thi	**21,37**	48
6	SYTHN	6,17	6,67	12,84	5,79	Miễn thi	**18,63**	80
6		6,35	6,67	13,02	7,35	Miễn thi	**20,37**	234
6		6,58	7,94	14,52	7,83	Miễn thi	**22,35**	39
6	Vinmec	5,67	7,08	12,75	7,08	Miễn thi	**19,83**	111
6		6,75	8,08	14,83	7,58	Miễn thi	**22,41**	38
6	SYTHN	5,60	6,69	12,29	6,92	81,30	**19,21**	169
6	Vinmec	5,54	6,83	12,37	7,02	85,00	**19,39**	143
6		5,90	7,40	13,30	7,83	Miễn thi	**21,13**	52
6		6,04	6,85	12,89	7,52	91,30	**20,41**	77
6	PHĐHY	5,35	6,04	11,39	6,04	78,80	**17,43**	365
7		5,65	6,85	12,50	6,60	Miễn thi	**19,10**	180
7		5,75	7,27	13,02	7,75	Miễn thi	**20,77**	62
7	SYTHN	5,67	6,15	11,82	6,94	Miễn thi	**18,76**	216
7		6,35	5,71	12,06	6,38	80,00	**18,44**	251
7		6,23	6,08	12,31	6,44	Miễn thi	**18,75**	218
7		5,79	7,42	13,21	7,31	70,00	**20,52**	69

7	SYTHN	5,50	6,35	11,85	6,54	63,80	**18,39**	255
7	PHĐHY	4,81	5,85	10,66	6,54	81,30	**17,20**	388
7		6,71	6,21	12,92	5,58	Miễn thi	**18,50**	241
7		5,58	6,25	11,83	7,15	Miễn thi	**18,98**	192
7		6,65	6,58	13,23	6,21	75,00	**19,44**	139
7		5,98	6,02	12,00	7,06	Miễn thi	**19,06**	186
8		5,04	5,33	10,37	6,65	Miễn thi	**17,02**	408
8		4,77	5,06	9,83	5,52	72,50	**15,35**	499
8		5,15	5,73	10,88	5,44	75,00	**16,32**	462
9		5,25	5,08	10,33	6,21	68,80	**16,54**	442
9		4,85	5,50	10,35	5,69	Miễn thi	**16,04**	476
9		5,00	6,04	11,04	5,00	60,00	**16,04**	475
9		4,77	5,50	10,27	5,75	Miễn thi	**16,02**	477
9		5,88	6,02	11,90	6,54	Miễn thi	**18,44**	252
9		5,19	5,96	11,15	6,21	85,00	**17,36**	370
9		5,15	5,69	10,84	4,96	81,30	**15,80**	487
9		4,88	5,65	10,53	6,23	90,00	**16,76**	427
9		5,06	5,33	10,39	5,90	Miễn thi	**16,29**	463
9		4,90	5,23	10,13	6,00	73,80	**16,13**	471
9		4,88	5,94	10,82	4,96	82,50	**15,78**	489
9		5,29	5,98	11,27	5,06	91,30	**16,33**	459
10	SYTHN	5,65	5,25	10,90	6,13	Miễn thi	**17,03**	406
10	SYTHN	4,90	5,38	10,28	7,08	80,00	**17,36**	371
10		5,96	6,69	12,65	6,71	Miễn thi	**19,36**	281
10	Vinmec	6,33	6,21	12,54	5,58	73,80	**18,12**	314
10		5,46	5,58	11,04	6,77	66,30	**17,81**	395
10	SYTHN	5,25	5,81	11,06	6,06	Miễn thi	**17,12**	145
10		5,90	6,63	12,53	7,35	Miễn thi	**19,88**	109
10		5,98	5,75	11,73	6,50	Miễn thi	**18,23**	271
10	Vinmec	6,10	5,35	11,45	6,46	86,30	**17,91**	302
11		5,06	5,46	10,52	6,08	86,30	**16,60**	436
11		5,60	5,60	11,20	5,42	76,30	**16,62**	433
11		4,98	5,69	10,67	6,02	92,50	**16,69**	434
11		5,15	6,13	11,28	6,06	Miễn thi	**17,34**	307
11		5,75	5,31	11,06	6,79	95,00	**17,85**	373
11		5,60	5,75	11,35	5,83	57,50	**17,18**	390
11		5,73	6,08	11,81	5,13	67,50	**16,94**	366
11	SYTHN	5,40	5,06	10,46	6,96	Miễn thi	**17,42**	413
11		5,65	6,56	12,21	6,23	75,00	**18,44**	250
11		5,31	6,27	11,58	6,02	Miễn thi	**17,60**	348
11		4,75	6,25	11,00	5,58	68,80	**16,58**	437
11		5,38	6,23	11,61	5,67	78,80	**17,28**	378
11		5,42	6,29	11,71	5,60	80,00	**17,31**	375
11		5,94	5,63	11,57	5,48	72,50	**17,05**	203
11	PHĐHY	5,23	5,98	11,21	5,96	73,80	**17,17**	391

11		5,90	6,52	12,42	6,48	Miễn thi	**18,90**	402
12		4,98	5,58	10,56	5,77	70,00	**16,33**	460
12		5,27	6,19	11,46	5,63	Miễn thi	**17,09**	399
12		4,83	6,19	11,02	5,06	52,50	**16,08**	472
12		5,56	5,94	11,50	4,96	85,00	**16,46**	450
12		5,38	5,06	10,44	5,54	66,30	**15,98**	479
12	PHĐHY	5,25	5,17	10,42	4,83	62,50	**15,25**	504
12		5,10	5,38	10,48	5,92	72,50	**16,40**	454
12		5,10	5,69	10,79	5,06	71,30	**15,85**	485
12		5,04	6,77	11,81	6,38	Miễn thi	**18,19**	272
12		5,54	5,17	10,71	5,67	Miễn thi	**16,38**	456
12		4,83	5,46	10,29	5,54	76,30	**15,83**	486
12		5,04	5,65	10,69	6,08	87,50	**16,77**	425
13		5,83	6,04	11,87	6,17	63,80	**18,04**	289
13		5,48	6,40	11,88	6,42	Miễn thi	**18,30**	260
13		5,06	6,50	11,56	6,69	Miễn thi	**18,25**	264
14		5,54	6,33	11,87	5,96	Miễn thi	**17,83**	312
14	SYTHN	5,38	6,23	11,61	5,69	75,00	**17,30**	376
14	Vinmec	4,92	7,25	12,17	6,50	67,50	**18,67**	230
14	Vinmec	6,31	5,38	11,69	6,56	71,30	**18,25**	265
14		5,50	6,02	11,52	6,60	83,80	**18,12**	377
14		5,63	6,75	12,38	6,25	Miễn thi	**18,63**	287
14	Vinmec	5,63	6,10	11,73	6,94	Miễn thi	**18,67**	152
14	SYTHN	5,17	6,00	11,17	6,13	83,80	**17,30**	247
14		5,29	6,71	12,00	7,31	Miễn thi	**19,31**	316
14		5,23	5,88	11,11	6,69	Miễn thi	**17,80**	215
14		5,98	6,02	12,00	6,48	Miễn thi	**18,48**	282
14		5,21	6,52	11,73	6,35	88,80	**18,08**	351
14		5,67	5,88	11,55	7,23	67,50	**18,78**	235
14		5,06	6,04	11,10	6,46	72,50	**17,56**	231
14		5,42	5,90	11,32	6,92	65,00	**18,24**	267
14		5,71	7,46	13,17	7,42	Miễn thi	**20,59**	65
14		5,42	5,94	11,36	6,73	63,80	**18,09**	270
14		5,29	6,48	11,77	6,46	82,50	**18,23**	285
14		5,35	6,58	11,93	5,96	85,00	**17,89**	304
14		5,79	6,33	12,12	6,33	Miễn thi	**18,45**	248
14		5,71	6,79	12,50	6,21	Miễn thi	**18,71**	223
14	Vinmec	5,35	6,19	11,54	6,73	Miễn thi	**18,27**	263
14		5,38	5,75	11,13	6,65	72,50	**17,78**	320
14		5,85	6,17	12,02	5,60	80,00	**17,62**	346
14		5,75	6,75	12,50	7,04	Miễn thi	**19,54**	131
14	PHĐHY	5,96	5,65	11,61	6,50	53,80	**18,11**	283
14		6,98	7,79	14,77	7,19	Miễn thi	**21,96**	41
14		5,90	6,98	12,88	6,77	Miễn thi	**19,65**	122
14	PHĐHY	5,63	6,83	12,46	6,40	82,50	**18,86**	205

14		5,58	6,19	11,77	5,96	75,00	**17,73**	329
14		5,15	5,67	10,82	6,65	Miễn thi	**17,47**	362
14		6,27	5,79	12,06	5,48	Miễn thi	**17,54**	354
14		5,81	5,69	11,50	6,48	Miễn thi	**17,98**	129
14		5,75	6,98	12,73	6,83	Miễn thi	**19,56**	293
14		5,65	5,96	11,61	6,77	78,80	**18,38**	256
14		5,17	6,35	11,52	6,67	71,30	**18,19**	274
14	SYTHN	5,88	6,00	11,88	5,81	Miễn thi	**17,69**	335
14		5,48	5,81	11,29	6,23	86,30	**17,52**	357
14		6,04	5,77	11,81	5,85	80,00	**17,66**	339
14		5,60	5,60	11,20	7,15	Miễn thi	**18,35**	87
14		5,19	6,19	11,38	6,46	63,80	**17,84**	257
14		5,33	7,08	12,41	6,02	Miễn thi	**18,43**	308
14		5,94	6,79	12,73	7,50	70,00	**20,23**	253
14		6,10	5,81	11,91	7,10	83,80	**19,01**	191
14		5,00	6,21	11,21	6,33	73,80	**17,54**	356
14		5,27	6,17	11,44	6,10	Miễn thi	**17,54**	61
14		6,69	6,40	13,09	7,69	92,50	**20,78**	355
14		5,77	6,27	12,04	5,44	Miễn thi	**17,48**	361
14		5,52	6,13	11,65	6,60	62,50	**18,25**	266
14		5,21	6,33	11,54	6,23	Miễn thi	**17,77**	324
14		5,58	6,71	12,29	6,46	90,00	**18,75**	220
14		5,85	6,63	12,48	6,96	Miễn thi	**19,44**	140
14		5,69	5,65	11,34	6,29	67,50	**17,63**	344
14		5,42	6,33	11,75	6,44	78,80	**18,19**	262
14		5,94	5,85	11,79	6,48	66,30	**18,27**	273
15	SYTHN	5,48	6,08	11,56	6,31	Miễn thi	**17,87**	305
15		5,88	7,35	13,23	6,48	Miễn thi	**19,71**	119
15	SYTHN	6,08	8,10	14,18	6,63	Miễn thi	**20,81**	60
15		5,52	7,04	12,56	6,81	92,50	**19,37**	144
15	SYTHN	5,58	5,85	11,43	6,56	86,30	**17,99**	291
15	PHĐHY	5,25	6,35	11,60	6,23	77,50	**17,83**	310
16		5,54	6,50	12,04	6,08	Miễn thi	**18,12**	280
16		5,63	6,17	11,80	6,54	83,80	**18,34**	258
16		5,63	6,40	12,03	6,25	73,80	**18,28**	261
16		5,73	6,69	12,42	6,90	85,00	**19,32**	149
16		5,98	5,67	11,65	6,48	85,00	**18,13**	226
16		5,88	6,46	12,34	6,27	88,80	**18,61**	278
16	Vinmec	6,25	6,44	12,69	6,00	93,80	**18,69**	236
16		6,21	6,71	12,92	7,21	Miễn thi	**20,13**	94
16		5,88	7,38	13,26	7,69	Miễn thi	**20,95**	56
16	PHĐHY	5,60	6,10	11,70	6,27	80,00	**17,97**	294
16		6,10	6,67	12,77	7,40	Miễn thi	**20,17**	90
16		5,79	6,04	11,83	6,25	58,80	**18,08**	313
16	PHĐHY	5,58	6,19	11,77	6,04	87,50	**17,81**	286

16	Vinmec	5,81	6,42	12,23	6,50	Miễn thi	**18,73**	221
16		5,96	6,17	12,13	7,46	93,80	**19,59**	126
16		5,23	7,00	12,23	7,31	Miễn thi	**19,54**	133
16		5,29	6,27	11,56	6,54	78,80	**18,10**	284
16	BVĐK Tân	5,98	6,83	12,81	6,00	Miễn thi	**18,81**	210
16	Vinmec	5,90	6,06	11,96	6,85	86,30	**18,81**	211
16		5,08	6,25	11,33	6,90	73,80	**18,23**	190
16		6,17	5,96	12,13	6,90	Miễn thi	**19,03**	268
16		6,06	7,52	13,58	7,52	Miễn thi	**21,10**	53
16	Vinmec	5,46	6,69	12,15	6,54	Miễn thi	**18,69**	224
16		5,85	6,90	12,75	6,88	Miễn thi	**19,63**	123
16		5,85	6,69	12,54	6,69	77,50	**19,23**	163
17		5,65	5,50	11,15	5,56	77,50	**16,71**	387
17		5,65	6,00	11,65	5,56	82,50	**17,21**	432
17		5,73	6,83	12,56	5,94	95,00	**18,50**	244
17	SYTHN	5,00	5,81	10,81	5,75	Miễn thi	**16,56**	439
17		5,88	5,79	11,67	5,21	85,00	**16,88**	416
17		5,90	5,17	11,07	6,60	75,00	**17,67**	415
17		5,19	6,40	11,59	5,29	67,50	**16,88**	338
17		5,67	7,00	12,67	6,46	78,80	**19,13**	177
17		5,25	5,77	11,02	6,02	83,80	**17,04**	405
17		5,27	6,38	11,65	6,13	Miễn thi	**17,78**	290
17		5,04	6,31	11,35	6,65	Miễn thi	**18,00**	319
17	PHĐHY	5,40	6,00	11,40	5,71	60,00	**17,11**	398
17		5,83	6,04	11,87	5,52	58,80	**17,39**	369
17		5,73	6,96	12,69	6,38	Miễn thi	**19,07**	183
17		5,79	5,71	11,50	5,40	81,30	**16,90**	374
17		5,60	5,44	11,04	6,29	76,30	**17,33**	414
17		5,69	5,96	11,65	5,60	71,30	**17,25**	381
17		5,60	5,40	11,00	5,75	57,50	**16,75**	428
17		5,33	6,21	11,54	6,33	81,30	**17,87**	306
17		4,83	6,04	10,87	5,94	81,30	**16,81**	422
17		5,58	5,29	10,87	6,15	76,30	**17,02**	407
17		5,13	6,27	11,40	6,00	80,00	**17,40**	296
17		6,04	6,23	12,27	5,69	75,00	**17,96**	368
17		5,83	5,73	11,56	6,27	86,30	**17,83**	311
17		5,33	6,25	11,58	6,06	85,00	**17,64**	341
17		5,08	6,00	11,08	6,42	73,80	**17,50**	360
17		5,88	5,67	11,55	5,56	70,00	**17,11**	397
17		5,33	5,69	11,02	6,23	Miễn thi	**17,25**	380
17		4,77	6,17	10,94	6,33	Miễn thi	**17,27**	382
17		5,44	5,67	11,11	6,04	82,50	**17,15**	392
17		5,23	6,19	11,42	6,38	53,80	**17,80**	315
17		5,67	5,54	11,21	6,31	73,80	**17,52**	352
17		5,77	5,21	10,98	6,58	Miễn thi	**17,56**	358

17		5,17	5,92	11,09	6,56	65,00	**17,65**	340
17	PHĐHY	5,52	5,69	11,21	5,63	50,00	**16,84**	420
17	Vinmec	5,15	6,88	12,03	6,46	83,80	**18,49**	246
17	Vinmec	5,79	6,00	11,79	6,88	93,80	**18,67**	229
17		5,15	5,98	11,13	6,60	Miễn thi	**17,73**	328
17		4,94	6,67	11,61	5,15	80,00	**16,76**	426
17		5,63	5,58	11,21	7,44	91,30	**18,65**	233
17		5,10	5,40	10,50	6,23	85,00	**16,73**	431
17		5,69	5,31	11,00	6,58	77,50	**17,58**	217
17	Vinmec	5,77	6,35	12,12	6,54	78,80	**18,66**	232
17		5,21	6,25	11,46	6,33	68,80	**17,79**	317
17		6,04	6,50	12,54	6,21	61,30	**18,75**	350
17		4,94	6,17	11,11	6,67	Miễn thi	**17,78**	321
17		6,02	5,94	11,96	6,54	77,50	**18,50**	243
17		5,48	6,19	11,67	6,75	76,30	**18,42**	254
17		4,94	6,13	11,07	5,98	63,80	**17,05**	325
17		5,35	5,40	10,75	5,98	Miễn thi	**16,73**	403
17		5,25	6,33	11,58	6,17	86,30	**17,75**	429
17		5,60	6,04	11,64	6,81	78,80	**18,45**	249
17		5,60	6,00	11,60	5,83	Miễn thi	**17,43**	364
17		5,38	6,06	11,44	5,81	Miễn thi	**17,25**	383
17		5,63	5,69	11,32	5,48	82,50	**16,80**	423
17		5,08	6,44	11,52	6,15	Miễn thi	**17,67**	337
17		5,56	5,60	11,16	5,71	72,50	**16,87**	417
17		6,00	6,67	12,67	6,48	68,80	**19,15**	379
17		5,13	6,23	11,36	6,31	Miễn thi	**17,67**	175
17		5,92	6,44	12,36	6,19	78,80	**18,55**	238
17		5,63	5,88	11,51	6,44	66,30	**17,95**	297
17		5,42	5,90	11,32	5,65	72,50	**16,97**	336
17		5,27	5,98	11,25	6,02	70,00	**17,27**	411
17		5,46	5,85	11,31	6,19	73,80	**17,50**	359
17		5,48	6,50	11,98	6,56	65,00	**18,54**	240
17		6,02	6,31	12,33	5,63	Miễn thi	**17,96**	295
17		5,58	6,85	12,43	6,54	Miễn thi	**18,97**	193
17		5,04	6,04	11,08	6,00	86,30	**17,08**	400
17		5,98	5,90	11,88	6,06	Miễn thi	**17,94**	298
17		5,54	5,75	11,29	6,17	72,50	**17,46**	363
17		5,79	6,54	12,33	5,60	93,80	**17,93**	299
17	SYTHN	5,73	5,85	11,58	5,19	92,50	**16,77**	372
17		4,75	6,29	11,04	6,31	86,30	**17,35**	424
17		5,77	6,10	11,87	5,92	56,30	**17,79**	318
17		5,65	5,96	11,61	5,38	72,50	**16,99**	410
18		6,35	6,40	12,75	6,77	72,50	**19,52**	134
18		5,35	6,69	12,04	6,65	Miễn thi	**18,69**	125
18		6,23	7,04	13,27	6,48	78,80	**19,75**	115

18		6,56	5,96	12,52	7,08	Miễn thi	**19,60**	227
18	Vinmec	6,15	6,42	12,57	6,88	92,50	**19,45**	138
18		5,79	6,73	12,52	5,98	Miễn thi	**18,50**	242
18	PHĐHY	5,50	6,27	11,77	6,46	82,50	**18,23**	269
18	Vinmec	6,00	6,33	12,33	6,75	77,50	**19,08**	182
18		5,67	7,19	12,86	7,08	Miễn thi	**19,94**	105
18		6,00	6,15	12,15	7,35	90,00	**19,50**	137
18		6,38	6,56	12,94	7,60	Miễn thi	**20,54**	68
18		6,88	6,77	13,65	7,33	Miễn thi	**20,98**	55
18		5,71	6,58	12,29	6,65	Miễn thi	**18,94**	198
18		6,10	6,75	12,85	6,42	Miễn thi	**19,27**	157
18		5,60	6,58	12,18	7,17	60,00	**19,35**	148
18		5,50	7,15	12,65	6,21	68,80	**18,86**	204
18		6,19	6,50	12,69	6,73	Miễn thi	**19,42**	142
18		6,15	5,75	11,90	7,17	81,30	**19,07**	184
18		6,21	6,77	12,98	7,52	82,50	**20,50**	72
18		5,48	6,73	12,21	6,83	88,80	**19,04**	189
18		6,23	5,96	12,19	6,75	Miễn thi	**18,94**	197
18		6,33	6,98	13,31	7,77	Miễn thi	**21,08**	54
19		6,38	6,19	12,57	6,48	87,50	**19,05**	187
19		5,71	6,42	12,13	6,81	81,30	**18,94**	199
19	PHĐHY	5,75	5,94	11,69	5,44	78,80	**17,13**	201
19		5,54	6,90	12,44	6,48	85,00	**18,92**	393
19		5,58	6,85	12,43	7,38	71,30	**19,81**	112
19		5,88	6,56	12,44	7,29	78,80	**19,73**	118
20		4,90	6,02	10,92	5,48	85,00	**16,40**	455
20		5,65	5,25	10,90	5,60	63,80	**16,50**	445
20		5,31	5,13	10,44	5,63	Miễn thi	**16,07**	473
20	SYTHN	5,69	5,38	11,07	5,33	65,00	**16,40**	453
20		5,25	6,08	11,33	5,52	66,30	**16,85**	419
20		5,04	5,52	10,56	5,90	68,80	**16,46**	449
20		4,75	5,65	10,40	5,19	80,00	**15,59**	493
20		5,42	5,60	11,02	5,94	61,30	**16,96**	412
20		5,10	6,00	11,10	4,81	53,80	**15,91**	482
21		7,83	6,98	14,81	6,75	96,30	**21,56**	3
21		7,42	7,00	14,42	7,15	Miễn thi	**21,57**	2
21		7,31	7,48	14,79	7,73	83,80	**22,52**	1
21		7,52	7,00	14,52	6,42	76,30	**20,94**	5
21		7,65	7,42	15,07	6,40	72,50	**21,47**	4
22		6,79	8,25	15,04	7,17	90,00	**22,21**	40
22	BVĐK Tân	5,71	6,65	12,36	6,85	Miễn thi	**19,21**	166
22	PHĐHY	5,73	5,96	11,69	6,63	82,50	**18,32**	259
22		6,77	6,08	12,85	7,65	96,30	**20,50**	73
22		6,17	7,69	13,86	7,73	Miễn thi	**21,59**	46
22	BVĐK Tân	5,85	7,02	12,87	6,31	Miễn thi	**19,18**	172

22	Vinmec	5,94	6,73	12,67	7,08	85,00	**19,75**	117
22	PHĐHY	6,10	7,19	13,29	6,85	91,30	**20,14**	93
22		5,71	7,42	13,13	7,15	Miễn thi	**20,28**	83
22		6,27	7,88	14,15	7,13	Miễn thi	**21,28**	50
22		6,25	7,31	13,56	7,27	Miễn thi	**20,83**	59
22	Vinmec	5,98	6,46	12,44	7,27	88,80	**19,71**	121
23		5,94	6,00	11,94	6,75	65,00	**18,69**	225
23		5,00	5,75	10,75	5,44	67,50	**16,19**	467
24	PHĐHY	5,96	6,83	12,79	6,79	86,30	**19,58**	127
24		6,08	7,04	13,12	7,83	78,80	**20,95**	57
24		6,00	7,60	13,60	6,65	82,50	**20,25**	84
24		6,19	6,08	12,27	7,08	72,50	**19,35**	147
24		6,17	6,35	12,52	6,79	88,80	**19,31**	150
24		5,27	7,29	12,56	7,54	Miễn thi	**20,10**	95
24		6,04	6,83	12,87	7,17	Miễn thi	**20,04**	96
24		5,81	6,56	12,37	6,98	Miễn thi	**19,35**	146
24		5,48	7,08	12,56	6,71	85,00	**19,27**	89
24		5,98	7,04	13,02	7,15	83,80	**20,17**	155
25		4,98	5,17	10,15	5,17	Miễn thi	**15,32**	500
25		4,94	4,92	9,86	5,27	57,50	**15,13**	508
25		5,33	5,50	10,83	6,00	60,00	**16,83**	421
25		4,81	5,52	10,33	5,54	62,50	**15,87**	484
25		5,60	5,96	11,56	6,17	Miễn thi	**17,73**	330
25		5,13	5,75	10,88	4,81	Miễn thi	**15,69**	491
25		5,15	6,13	11,28	5,25	55,00	**16,53**	443
25		5,96	5,60	11,56	6,08	Miễn thi	**17,64**	342
25		4,94	6,27	11,21	4,94	63,80	**16,15**	469
25		4,90	5,98	10,88	5,85	Miễn thi	**16,73**	430
25		5,19	4,77	9,96	5,25	82,50	**15,21**	332
25		5,63	5,81	11,44	6,27	91,30	**17,71**	506
25		5,42	6,06	11,48	6,44	95,00	**17,92**	300
25		6,19	6,52	12,71	6,54	73,80	**19,25**	159
26		5,81	6,08	11,89	6,17	Miễn thi	**18,06**	288
26		5,48	6,56	12,04	6,69	Miễn thi	**18,73**	222
26		5,46	5,73	11,19	6,96	Miễn thi	**18,15**	276
26		5,19	6,00	11,19	6,98	Miễn thi	**18,17**	275
26	BVĐK Tân	5,58	6,69	12,27	6,58	Miễn thi	**18,85**	207
26	Vinmec	5,79	6,81	12,60	6,54	78,80	**19,14**	176
26	PHĐHY	5,15	6,23	11,38	6,35	Miễn thi	**17,73**	327
26		5,65	6,81	12,46	6,73	Miễn thi	**19,19**	171
26		5,71	7,31	13,02	6,27	Miễn thi	**19,29**	153
26		5,77	6,19	11,96	5,94	77,50	**17,90**	303
26		6,06	5,48	11,54	6,23	Miễn thi	**17,77**	323
26		5,73	6,31	12,04	5,73	65,00	**17,77**	322
26		5,25	6,81	12,06	5,77	80,00	**17,83**	309

26		5,88	6,63	12,51	6,17	71,30	**18,68**	228
26	BVĐK Tân	5,94	6,48	12,42	6,67	93,80	**19,09**	181
26		5,90	5,83	11,73	5,96	90,00	**17,69**	334
27		4,75	5,10	9,85	6,35	Miễn thi	**16,20**	466
27		5,13	5,58	10,71	5,25	Miễn thi	**15,96**	483
27		5,44	5,15	10,59	5,29	65,00	**15,88**	480
27		4,79	5,90	10,69	5,85	73,80	**16,54**	441
27		5,00	5,69	10,69	6,54	Miễn thi	**17,23**	385
27		5,02	5,67	10,69	5,29	Miễn thi	**15,98**	478
27		4,98	5,98	10,96	5,52	73,80	**16,48**	447
27		4,92	5,08	10,00	6,06	Miễn thi	**16,06**	474
27		5,56	5,75	11,31	5,88	86,30	**17,19**	389
27		4,88	6,35	11,23	5,25	Miễn thi	**16,48**	446
27		5,42	5,44	10,86	5,71	Miễn thi	**16,57**	438
27		4,98	5,31	10,29	5,90	70,00	**16,19**	468
27		5,46	5,83	11,29	5,23	Miễn thi	**16,52**	444
27		5,15	5,83	10,98	6,65	82,50	**17,63**	345
27		5,25	5,90	11,15	5,46	Miễn thi	**16,61**	435
28		6,46	6,33	12,79	7,73	Miễn thi	**20,52**	70
28		5,90	6,96	12,86	7,08	Miễn thi	**19,94**	104
28	Vinmec	6,33	6,46	12,79	7,50	Miễn thi	**20,29**	82
28		6,00	7,25	13,25	7,27	Miễn thi	**20,52**	71
28		6,33	7,04	13,37	7,27	91,30	**20,64**	63
28	Vinmec	6,17	6,50	12,67	7,21	Miễn thi	**19,88**	108
28		5,90	6,79	12,69	7,31	87,50	**20,00**	98
28		6,44	7,67	14,11	7,23	Miễn thi	**21,34**	49
28		6,46	6,79	13,25	6,98	81,30	**20,23**	86
28		5,67	7,46	13,13	7,04	91,30	**20,17**	91
28	PHĐHY	4,92	6,23	11,15	6,10	76,30	**17,25**	384
28		5,94	7,10	13,04	6,94	81,30	**19,98**	99
28		5,83	6,65	12,48	7,77	Miễn thi	**20,25**	85
28		6,29	6,29	12,58	7,38	Miễn thi	**19,96**	102
28		6,13	6,85	12,98	7,00	77,50	**19,98**	103
28		6,29	6,73	13,02	7,90	Miễn thi	**20,92**	165
28	SYTHN	5,71	6,71	12,42	6,79	88,80	**19,21**	58
28		6,54	7,56	14,10	7,50	91,30	**21,60**	45
28	Vinmec	5,71	7,17	12,88	7,50	91,30	**20,38**	78
28		6,06	6,96	13,02	6,96	Miễn thi	**19,98**	100
28	SYTHN	6,04	5,77	11,81	6,73	71,30	**18,54**	239
28		6,13	6,50	12,63	7,56	85,00	**20,19**	106
28		6,27	6,25	12,52	7,42	81,30	**19,94**	88
28		6,56	6,92	13,48	6,96	91,30	**20,44**	75
28	SYTHN	6,00	6,23	12,23	7,02	87,50	**19,25**	158
28		6,25	7,33	13,58	6,31	85,00	**19,89**	107
28		5,77	7,73	13,50	7,67	Miễn thi	**21,17**	51

28		6,65	6,67	13,32	7,00	88,80	**20,32**	81
29		5,13	5,50	10,63	6,79	71,30	**17,42**	367
29	SYTHN	5,27	5,48	10,75	5,58	85,00	**16,33**	458
29		5,15	5,98	11,13	5,92	95,00	**17,05**	404
29		4,81	6,67	11,48	5,73	87,50	**17,21**	386
29		5,67	4,75	10,42	6,06	Miễn thi	**16,48**	448
30		9,08	9,21	18,29	6,08	Miễn thi	**24,37**	20
30		8,49	9,21	17,70	6,92	81,30	**24,62**	19
30		8,88	8,99	17,87	5,10	Miễn thi	**22,97**	18
30		9,08	8,74	17,82	7,19	66,30	**25,01**	28
30		8,42	9,11	17,53	6,27	75,00	**23,80**	24
30		9,14	9,19	18,33	6,88	78,80	**25,21**	17
30		8,75	8,78	17,53	5,54	73,80	**23,07**	27
30		8,75	9,01	17,76	6,31	Miễn thi	**24,07**	22
30		9,14	9,15	18,29	5,63	83,80	**23,92**	23
30		8,68	8,82	17,50	5,96	67,50	**23,46**	25
30		8,88	8,96	17,84	6,46	Miễn thi	**24,30**	21
30		8,95	8,86	17,81	5,31	Miễn thi	**23,12**	26
31		7,01	8,09	15,10	5,08	Miễn thi	**20,18**	35
31		6,69	8,11	14,80	4,77	77,50	**19,57**	36
31		7,13	8,21	15,34	6,94	72,50	**22,28**	34
32		5,27	5,31	10,58	5,85	52,50	**16,43**	451
32		5,60	6,60	12,20	5,50	78,80	**17,70**	333
32		4,98	5,40	10,38	5,94	63,80	**16,32**	461
32		5,31	4,94	10,25	5,06	61,30	**15,31**	502
32		4,79	4,98	9,77	4,79	87,50	**14,56**	511
32		4,81	5,23	10,04	5,02	56,30	**15,06**	509
32		5,00	5,58	10,58	4,83	78,80	**15,41**	497
33		5,67	6,06	11,73	5,27	51,30	**17,00**	409
34		5,10	5,08	10,18	5,00	90,00	**15,18**	507
34		4,94	6,04	10,98	5,38	Miễn thi	**16,36**	457
34		5,17	6,23	11,40	5,73	81,30	**17,13**	394
34		5,10	6,25	11,35	6,27	Miễn thi	**17,62**	347
34		5,98	5,85	11,83	6,15	87,50	**17,98**	292
34		5,21	5,31	10,52	4,79	60,00	**15,31**	501
34		5,02	5,40	10,42	4,88	87,50	**15,30**	503
34		4,75	5,04	9,79	4,96	65,00	**14,75**	510
34		4,79	7,02	11,81	5,90	80,00	**17,71**	331
34		5,50	6,17	11,67	5,40	78,80	**17,07**	401